



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

ANNUAL REPORT

2011

Tháng 3 /2012

GỬI TỚI KHÁCH HÀNG VÀ NGƯỜI TIÊU DÙNG

DAG xin dành trọn những tình cảm chân thành, những ghi nhận sâu sắc đến toàn thể quý khách hàng và người tiêu dùng, những người đã cùng đồng hành với DAG suốt tháng ngày khó khăn vừa qua. Chính Quý vị là hạt nhân góp phần quyết định đến sự sống còn và phát triển của DAG ngày hôm nay.

DAG luôn hiểu rằng, đằng sau những bước đi thành công của mình, sự ủng hộ, sự tin cậy của toàn thể người tiêu dùng trong cả nước càng làm vững bước DAG trên con đường của mình đã lựa chọn. Mặc dù còn non trẻ, nhưng với 8 năm liên tiếp, các sản phẩm của DAG luôn được người tiêu dùng bình chọn Hàng Việt Nam chất lượng cao, đã cho thấy tình cảm thủy chung mà quý khách hàng và người tiêu dùng đã ưu ái dành cho DAG

GỬI TỚI CÁC ĐỐI TÁC

Xin ghi nhận và cảm ơn các nhà cung cấp, các ngân hàng, các đối tác khác. Các bạn đã luôn hỗ trợ, giúp đỡ DAG trong quá khứ, hiện tại và cả tương lai bằng tinh thần lắng nghe và thấu hiểu. Sự hợp tác cùng phát triển với các bạn vẫn là định hướng then chốt của DAG trong thời gian tới.

GỬI TỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG DƯỚI MÁI NHÀ CHUNG DAG

Để có được thành quả ngày hôm nay, với các sản phẩm đặc biệt đạt chất lượng quốc tế mang thương hiệu DAG thì sự đóng góp của những người lao động mang tính chất quyết định.

Từ những giọt mồ hôi của người công nhân trực tiếp đứng máy, những mệt nhọc của người bốc vác kho hàng, những vất vả của lái xe, đến những tâm huyết của đội ngũ bán hàng, kinh doanh, những lo toan của đội ngũ cung ứng vật tư, những miệt mài của bộ phận kế toán cộng với những đam mê, trăn trở, toan tính của đội ngũ lãnh đạo công ty đã tạo dựng được thành công cho DAG. Từ đó, DAG cùng chung tay xây dựng mái nhà chung và vun đắp cho mỗi cá nhân trong đó một cuộc sống ngày càng tốt đẹp hơn, có ý nghĩa hơn.

GỬI TỚI CÁC BAN NGÀNH, CÁC PHƯƠNG TIỆN THÔNG TIN ĐẠI CHÚNG

Xin gửi tới UBNDTP Hà Nội, Hiệp Hội Nhựa, Ủy ban chứng khoán, Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh, Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam... Lời cảm ơn chân thành bởi những ủng hộ, những đóng góp, những hợp tác để DAG ngày càng hoàn thiện hơn, vững bước trên con đường phát triển bền vững.

Và để có được DAG ngày hôm nay, không thể quên và thầm cảm ơn công lao của các anh, chị em, phóng viên báo đài, các phương tiện thông tin đại chúng. Nhờ có các quý vị mà thương hiệu, sản phẩm, mã cổ phiếu DAG có cơ hội bay nhanh, bay xa hơn.

LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG

I. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG

1. Quá trình thành lập

Công ty cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á tiền thân của công ty là công ty TNHH thương mại sản xuất Nhựa Đông Á được thành lập theo giấy phép số 0102002000 được sở kế hoạch và đầu tư cấp ngày **16/02/2001**.

Công ty chính thức chuyển đổi sang mô hình Công ty cổ phần theo giấy phép số 0103014564 được Sở kế hoạch và đầu tư cấp ngày 14/11/2006 đăng ký thay đổi lần thứ 2 vào ngày **12/02/2007**.

2. Quá trình phát triển

2.1. Ngành nghề kinh doanh

Công ty cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á hoạt động kinh doanh chủ yếu trên lĩnh vực sản xuất các sản phẩm, vật liệu phục vụ trong xây dựng và trang trí nội ngoại thất bằng nhựa:

- ❖ Sản xuất các sản phẩm, vật liệu phục vụ trong xây dựng và trang trí nội ngoại thất;
- ❖ Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- ❖ Buôn bán máy móc, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp, giao thông;
- ❖ Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hoá;
- ❖ Kinh doanh vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội ngoại thất;
- ❖ Kinh doanh bất động sản, nhà ở;
- ❖ Dịch vụ vận tải hàng hoá, vận chuyển hành khách;
- ❖ Kinh doanh phương tiện vận tải, thiết bị máy móc, phương tiện vận tải;
- ❖ Gia công cơ khí & Đầu tư xây dựng nhà ở;

2.2. Tăng trưởng vốn

Với số vốn góp khiêm tốn ban đầu 2.5 tỷ đồng, đến nay, trải qua nhiều đợt tăng vốn, DAG có số vốn điều lệ là 125 tỷ đồng. Các công ty con DAG sở hữu 100% vốn.

TT	Tên doanh nghiệp	Địa chỉ	Hoạt động KD chính	Tỷ lệ SH
1	Công ty TNHH Nhựa Đông Á (NDA)	Khu CN Châu Sơn Hà Nam	Sản xuất các sản phẩm nhựa phục vụ trong xây dựng, trang trí nội ngoại thất như: hạt nhựa, cửa nhựa, cửa pano, cửa xếp nhựa, tấm trần ốp, tấm trần thả, thanh Profile, bạt Hi-Flex, tấm PP Công nghiệp.	100%
2	Công ty TNHH MTV SmartWindow Việt Nam (S.M.W)	Khu CN Ngọc Hồi Thanh Trì – HN	Sản xuất tấm PS, tấm nhôm Composite, gioăng cao su, cửa uPVC có lõi thép gia cường hiệu SmartWindows, cửa hợp kim nhôm- vách kính dựng giấu đồ hiệu Smartwindow và là nhà kho liên hoàn kinh doanh hàng sản xuất của NDA và hàng NK.	100%
3	Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Đông Á (DAS)	Khu CN Tân Tạo, TP Hồ Chí Minh	Sản xuất, kinh doanh, lắp đặt, bảo hành, bảo trì và phát triển sản phẩm cửa uPVC có lõi thép gia cường hiệu SmartWindows. Nhập khẩu và phân phối các sản phẩm nội ngoại thất trong xây dựng.	100%

- Đến năm 2015, dự kiến DAG sẽ có vốn điều lệ là 500 tỷ đồng.

2.3. Số lượng công ty con và công ty liên kết

Ngày 14/11/2006, Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á chuyển đổi thành mô hình Công ty mẹ - Công ty con.

Hiện nay, các công ty thành viên DAG vẫn không ngừng tăng trưởng đều đặn: công ty thành viên: Công ty TNHH Nhựa Đông Á (NDA), Công ty TNHH MTV SmartWindow Việt Nam (S.M.W), Công ty TNHH Một hành viên Nhựa Đông Á (DAS).

Riêng công ty TNHH sản xuất vật liệu xây dựng Đông Á (DAB) thành lập ngày 16/10/2010 đã được giải thể theo quyết định 03/2011/ NQ- HĐQT do một số chính sách ưu đãi đầu tư của các KCN, khu chế xuất cho đầu tư mới có sự thay đổi về các chính sách ưu đãi thuế TNDN. Việc giải thể công ty này trong điều kiện chưa phát sinh doanh thu, chi phí nên DAG vẫn bảo toàn được vốn do chưa thực hiện góp..

Với công ty liên kết DAGLAND, DAG vẫn chưa thực hiện góp vốn do tình hình Bất động sản đóng băng năm 2011.

2.4. Niêm yết cổ phiếu lần đầu tiên.

Ngày 08/04/2010, cổ phiếu của Công ty với Mã chứng khoán “DAG” đã chính thức được niêm yết tại Sở giao dịch Chứng khoán TP Hồ Chí Minh theo Quyết định số 41/QĐ-SGDHCM ngày 01 tháng 03 năm 2010, với số lượng niêm yết là: 10.000.000 cổ phiếu.

Sự kiện đăng ký niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán TP HCM, minh chứng cho Công ty Cổ Phần Tập đoàn Nhựa Đông Á đã vươn lên một tầm cao mới, khẳng định sự phát triển ổn định và bền vững trong bối cảnh các doanh nghiệp Việt Nam vừa tiếp cận một sân chơi rộng lớn và đầy tính cạnh tranh khốc liệt của tiến trình hội nhập WTO. Đây chính là thước đo giá trị những thành quả đạt được của DAG trong 10 năm qua.

2.5. Áp dụng tiêu chuẩn ISO

Cho đến 2011, DAG đã chính thức áp dụng được 2 năm hệ thống quản lý chất lượng toàn diện TQM và đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng theo hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008 với phương châm “Uy tín khởi nguồn từ chất lượng”, đảm bảo quyền lợi và cam kết mang lại sản phẩm đạt tiêu chuẩn tốt nhất đến người tiêu dùng.

II. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

1. Định hướng đến 2015

- Bằng các tiền đề sẵn có, DAG chủ trương tái cấu trúc toàn diện nhằm đạt chuẩn về tổ chức mô hình quản lý theo hướng Tập đoàn tư nhân đa ngành – đa nghề nhưng vẫn đảm bảo chuyên sâu ngành nghề hoạt động sản xuất đến 2015.
- Hướng tới giao toàn quyền chủ động sản xuất kinh doanh cho các Công ty thành viên và tách Văn phòng Tập đoàn trở thành tổ chức đầu tư/quản lý vốn, tài chính chuyên nghiệp – hiệu quả.
- Tiếp tục nâng cao các hoạt động tìm kiếm cơ hội đầu tư, mở rộng sản xuất kinh doanh các sản phẩm mới trong thời kỳ hội nhập, đặc biệt tăng cường hoạt động xuất khẩu những sản phẩm chủ lực của công ty.
- Đến năm 2015, DAG sẽ có số vốn điều lệ đạt 500 tỷ đồng, thực hiện các đợt tăng vốn theo kế hoạch phát triển trung-dài hạn thông qua Đại hội đồng cổ đông; phát hành thêm thông qua thị trường chứng khoán Việt Nam.
- Hướng đến giá trị cốt lõi, DAG phấn đấu bằng hiệu quả của đầu tư, kinh doanh tạo dựng và gia tăng nhiều hơn cho cổ đông và đảm bảo cơ chế quản lý mở - minh bạch hoạt động, thông tin của một tổ chức niêm yết.
- Ổn định và gia tăng giá trị về mặt thời gian của thương hiệu DAG, tiếp tục triển khai các hoạt động kinh doanh, thị trường đồng bộ nhằm phủ đầy, phủ đầy thị trường, nắm giữ thị phần của khối các sản phẩm chủ lực.

- Tăng cường hệ thống hạ tầng, công nghệ thông tin trong quản lý – điều hành. Phấn đấu đến 2015, DAG sẽ đồng bộ hóa sử dụng các phần mềm đạt chuẩn quốc tế về quản lý nhằm đưa hoạt động quản trị trực tuyến đến từng khâu, từng công đoạn tác nghiệp toàn Tập đoàn.
- Mở rộng nhiều hơn nữa các chính sách phúc lợi và văn hóa doanh nghiệp. DAG chủ trương hướng tới chia sẻ hiệu quả sản xuất – kinh doanh cho người lao động, xây dựng môi trường văn hóa đặc trưng và gia tăng các chính sách chăm lo nhiều hơn nữa đời sống vật chất/tinh thần cho CBCNV toàn Tập đoàn.

2. Tầm nhìn & Giá trị cốt lõi

Sứ mệnh

- ❖ Phát triển bền vững, đem lại lợi ích cao nhất cho các cổ đông.
- ❖ Tạo môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp, hiệu quả dưới mái nhà chung của DAG.
- ❖ Tạo ra những sản phẩm chất lượng cao, uy tín và thân thiện với môi trường.

Tầm nhìn

- ❖ Phát triển DAG thành một Công ty sản xuất vật liệu xây dựng - trang trí nội thất hàng đầu Việt nam và hướng tới tập đoàn kinh tế đa ngành, đa nghề dựa trên nền tảng phát triển bền vững.

Giá trị cốt lõi

- ❖ Lấy khoa học kỹ thuật làm nền tảng.
- ❖ Lấy quản lý để mưu cầu hiệu quả.
- ❖ Lấy chất lượng để mưu cầu sinh tồn.
- ❖ Lấy uy tín để mưu cầu phát triển.

Cam kết

- ❖ **Đối với khách hàng:** Cung cấp những sản phẩm và dịch vụ về vật liệu phục vụ trong xây dựng cũng như các sản phẩm của Công ty đầu tư giúp khách hàng tối ưu hoá hiệu quả sử dụng.
- ❖ **Đối với cổ đông:** Là một tổ chức kinh tế hoạt động bền vững và hiệu quả mang tới cho cổ đông lợi ích cao, đều đặn và dài hạn.
- ❖ **Đối với cán bộ nhân viên:** Là ngôi nhà chung mang tới từng thành viên một cuộc sống sung túc, đầy đủ về kinh tế và tinh thần.
- ❖ **Đối với cộng đồng và xã hội:** Là tổ chức có trách nhiệm xã hội, tích cực, chủ động tham gia vào các hoạt động cộng đồng, xã hội.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 2011

Những nét nổi bật của kết quả hoạt động trong năm (lợi nhuận, tình hình tài chính của công ty tại thời điểm 31/12/2011):

1. Thực tế kết quả sản xuất kinh doanh và tài chính 2011:

Chi tiêu/	2011	2010	Tỉ lệ
ĐVT	VNĐ'000'000	VNĐ'000'000	%
Doanh thu thuần	603,579	331,076	182
Lợi nhuận trước thuế	18,564	22,142	84
Lợi nhuận sau thuế	14,460	20,098	72
Tổng tài sản	569,410	393,184	145
Tổng vốn chủ sở hữu	151,079	125,011	121

2. Tình hình thực hiện năm 2011 so với kế hoạch đề ra:

Chi tiêu/	2011	Kế hoạch	Tỉ lệ
ĐVT	VNĐ'000'000	VNĐ'000'000	%
Doanh thu thuần	603,579	424,000	142
Lợi nhuận sau thuế	14,460	15,000	96.4

Mặc dù kế hoạch sản xuất – kinh doanh năm 2011 được thực hiện trong bối cảnh đất nước phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức do tác động bất lợi từ cuộc khủng hoảng - suy thoái kinh tế, chỉ số CPI trong năm liên tục tăng (CPI bình quân cả năm 2011 tăng 18,13% so với 2010) kéo sức cầu mua sắm giảm đáng kể, tuy nhiên, với sự quyết tâm quên mệt mỏi của toàn thể tập thể CBCNV, DAG cũng đã đạt được các thành tựu khá quan trọng năm 2011.

Về tăng trưởng:

- Doanh thu thuần hợp nhất toàn DAG đạt 603.579 tỷ, tăng trưởng 82% so với năm 2010,

Trong bối cảnh nền kinh tế vĩ mô của Việt Nam phát triển chưa ổn định, tình hình lạm phát đột biến, người tiêu dùng thắt chặt chi tiêu, thị trường bất động sản đóng băng mà DAG vẫn đạt tăng trưởng doanh thu cao trong năm 2011 cho thấy cho thấy hoạt động kinh doanh, đầu tư của DAG là tương đối khả quan, có hiệu quả.

-Tuy nhiên về lợi nhuận, DAG lại giảm 28% so với năm 2010 bởi lạm phát khiến các chi phí đầu vào tăng cao (chi phí lãi vay, giá NVL đầu vào, ...) biến động tỷ giá USD/VND lớn.

Về thực hiện so với kế hoạch:

Doanh thu hợp nhất của DAG Công ty tính đến 31/12/2011 theo báo cáo kiểm toán đạt 603.579 tỷ, tăng 42% so với kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 đề ra. Tuy nhiên, lợi nhuận thuần sau thuế năm 2011 chỉ đạt 96.4% kế hoạch.

Trong điều kiện khó khăn chung về thị trường, việc vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng doanh thu cao và đạt xấp xỉ 100% kế hoạch lợi nhuận chứng tỏ định hướng ổn định kinh doanh của HĐQT đưa ra là đúng đắn. Ngoài ra, đây cũng là minh chứng về việc khẳng định thị phần của các sản phẩm DAG trên thị trường cạnh tranh khốc liệt năm 2011.

3. Những thay đổi chủ yếu trong năm:

3.1 Các sự kiện thay đổi:

- Ngày 14.6.2011 DAG chính thức niêm yết bổ sung 2.500.000 cổ phiếu phát hành thêm, tăng vốn điều lệ từ 100 tỷ VND lên 125 tỷ VND theo giấy chứng nhận số 31/2010/GCNCP-VSD-1.
- Công ty TNHH sản xuất vật liệu xây dựng Đông Á (DAB) – DAG nắm giữ 100% vốn điều lệ thành lập ngày 16/10/2010 đã được giải thể theo quyết định 03/2011/ NQ- HĐQT do một số chính sách ưu đãi đầu tư của các KCN, khu chế xuất cho đầu tư mới có sự thay đổi ưu đãi thuế TNDN. Việc giải thể công ty này trong điều kiện chưa phát sinh doanh thu, chi phí nên DAG vẫn bảo toàn được vốn do chưa thực hiện góp.

3.2 Về đầu tư xây dựng cơ bản

Trong năm 2011, về cơ bản các dự án đầu tư xây dựng cơ bản của Công ty đã được triển khai theo định hướng thông qua tại Đại hội đồng cổ đông năm 2011, tình hình cụ thể như sau:

TT	Tên dự án	Vốn đầu tư XDCB (DK)	Đã đầu tư 2010	Đầu tư năm 2011	Đầu tư trong năm 2012
		VNĐ'000'000	VNĐ'000'000	VNĐ'000'000	VNĐ'000'000
1	Nhà máy sản xuất tấm nhôm Composite. Diện tích xây dựng tại KCN Phú Lý với 3000 m ²	10,500	8,084	2,416	0
2	Mở rộng năng lực và đầu tư nhà máy sx thanh Profile, Mica PS, formex	130,198		12,033	76,640
	Tổng cộng	152,598	8,084	14,449	88,640

Trong đó:

- Dự án Nhôm composite bắt đầu hoạt động vào quý 2/2011, cho đến nay, không những dây chuyền thứ nhất vào hoạt động hiệu quả (sử dụng hết công suất) tạo ra doanh thu 4 tỷ đồng tháng mà còn đang thực hiện đưa dây chuyền thứ 2 vào hoạt động.
- Với dự án mở rộng năng lực và đầu tư nhà máy sx thanh profile, Mica PS, Formex thì dây chuyền sx MICA PS đã hoàn thiện, dự kiến có doanh thu T4.2012.

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH 2011

I. BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Khả năng sinh lời

Chỉ tiêu/	2011	2010	Tỉ lệ
ĐVT	%	%	%
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần	2.40	6.12	39.1
Tỷ suất lợi nhuận trên tài sản (ROA)	2.54	5.11	49.7
Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE)	9.57	16.08	59.5

2. Khả năng thanh toán:

Chỉ tiêu/	2011	2010	Tỉ lệ
ĐVT	%	%	%
Khả năng thanh toán hiện hành	1.05	1.05	100
Khả năng thanh toán nhanh	0.49	0.51	96.58

3. Giá trị sổ sách:

Chỉ tiêu/	2011	2010	Tỉ lệ
ĐVT	VND/cổ phiếu	VND/cổ phiếu	%
Giá trị sổ sách	12.086	12,489	97

4. Các chỉ tiêu về số lượng cổ phần trong năm 2011:

Những thay đổi về vốn cổ đông/vốn góp: không thay đổi, cụ thể:

	theo giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp	
	VND	%	31/12/11	1/1/2011
Cổ đông sáng lập	72,044,500,000	57.64%	72,044,500,000	65,495,000,000
Công ty TNHH TM Dịch vụ Hùng Phát	31,812,000,000	25.45%	31,812,000,000	28,920,000,000
Ông Nguyễn Bá Hùng	40,067,500,000	32.05%	40,067,500,000	36,425,000,000
Bà Nguyễn Thị Tính	165,000,000	0.13%	165,000,000	150,000,000
Các cổ đông khác	52,955,500,000	42.36%	52,955,500,000	34,505,000,000
Cộng	125,000,000,000	100.00%	125,000,000,000	100,000,000,000

Tổng số cổ phiếu theo từng loại (cổ phiếu thường, cổ phiếu ưu đãi...):

- Tổng cổ phiếu thường đang lưu hành: 12.500.000 cổ phiếu
- Tổng số cổ phiếu ưu đãi: 0 cổ phiếu

Tổng số trái phiếu đang lưu hành theo từng loại (trái phiếu có thể chuyển đổi, trái phiếu không thể chuyển đổi...): không có

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành theo từng loại:

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Số lượng CP phổ thông đăng ký phát hành	12.500.000	10.000.000
Số lượng CP phổ thông đã phát hành ra công chúng	12.500.000	10.000.000
Số lượng CP phổ thông mua lại	-	-
Số lượng CP phổ thông hiện đang lưu hành	12.500.000	10.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng.

Cổ tức/lợi nhuận chia cho các thành viên góp vốn

Việc xác định cổ tức cho năm 2011 sẽ được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012.

5. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2011

Chi tiêu/	2011	Kế hoạch	Tỉ lệ
ĐVT	VNĐ'000'000	VNĐ'000'000	%
Doanh thu thuần	603,579	424,000	142
Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á	93,991	30,000	313
Công ty TNHH Nhựa Đông Á (NDA)	282,061	276,000	102
Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam (SMW)	174,240	85,000	205
Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á (DAS)	53,285	33,000	161
Lợi nhuận sau thuế	14,460	15,000	96

6. Những thành tựu đạt được trong năm 2011

Song song với thành quả đạt được về kinh tế, năm 2011, Công ty CPTĐ Nhựa Đông Á đã phấn đấu thành công trên mọi lĩnh vực, cụ thể:

6.1. Về chất lượng sản phẩm

Áp dụng tiêu chuẩn ISO 9001:2008 trên toàn bộ hệ thống các nhà máy của DAG một cách sâu rộng, từng công đoạn, từng phân xưởng. Trong năm 2011 chất lượng sản phẩm không ngừng được cải tiến; và chất lượng dịch vụ đã có những bước tiến đáng kể nhằm hướng tới sự thỏa mãn cao nhất của người tiêu dùng và bạn hàng.

6.2. Về công tác quản trị Tập đoàn

Trong năm 2011 DAG đã thực hiện:

- Hoàn thiện các quy trình/quy chế quản trị doanh nghiệp;
- Hệ thống văn bản nội bộ quản trị doanh nghiệp được chuẩn hóa và điều chỉnh nhằm đáp ứng yêu cầu thay đổi trong năm và định hướng của Hội đồng quản trị.

6.3. Về công tác nhân sự

Trong năm qua DAG đã xây dựng được chính sách quản lý nguồn nhân lực theo hướng gắn quyền lợi cá nhân với kết quả thực hiện công việc của từng nhân viên. Hoạt động tuyển dụng được diễn ra liên tục bổ sung nguồn nhân lực kịp thời để mở rộng, phát triển kinh doanh.

Ngoài ra, DAG còn thường xuyên tiến hành, tổ chức đào tạo và bồi dưỡng nguồn cán bộ nhằm đáp ứng mục tiêu đổi mới và phát triển của DAG.

7. Các thành tựu khác

Trong năm 2011 hoạt động sản xuất kinh doanh của DAG đã có những thành tựu phát triển nhất định về mọi mặt:

- Doanh thu thuần đạt trên 603 tỷ đồng vượt 182% so với cùng kỳ năm 2010, chứng tỏ sản phẩm của DAG ngày càng chiếm được tin yêu của người tiêu dùng. Trong điều kiện khó khăn chung của cả nước, nhiều doanh nghiệp sản xuất không có lãi, thậm chí lỗ nhưng chỉ tiêu lợi nhuận hợp nhất vẫn đạt được tương đối kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông 2011 đề ra.
- Về công tác đầu tư xây dựng trong năm 2011, về cơ bản các dự án Nhôm composite tại KCN Châu Sơn và dự án Cửa hợp kim nhôm – Vách kính dựng giấu đồ tại KCN Ngọc Hồi đã hoàn thiện xong. Các sản phẩm sau quá trình chuyển giao công nghệ đều đạt tiêu chuẩn tốt. Với dự án mở rộng năng lực và đầu tư nhà máy sx thanh Profile, Mica PS, formex, thì DAG đã tận dụng mặt bằng hiện có tại nhà máy khu công nghiệp Châu Sơn - Hà Nam, tiến hành mua máy móc, thiết bị, lắp đặt, vận hành dây chuyền sản xuất Mica PS, dự kiến có doanh thu vào tháng 4.2012.
- Về công tác định vị thương hiệu: trong năm 2011, Tập đoàn đã thực hiện nhiều chương trình PR, quảng cáo, tận dụng mọi phương tiện thông tin đại chúng để tăng tỷ lệ nhận diện thương hiệu DAG sâu rộng đến người tiêu dùng. Cho đến nay tỷ lệ nhận diện thương hiệu DAG đạt 20% (tức là trong 100 người thì có 20 người biết đến thương hiệu DAG). Như vậy trong năm 2011, Tập đoàn đã bước đầu thực hiện kế hoạch chi tiết cho các chiến lược định vị thương hiệu bài bản đã đề ra.
- Về công tác kế hoạch: về cơ bản, công tác kế hoạch trong năm 2011 tương đối phù hợp với thực tế. Các kế hoạch kinh doanh, sản xuất, kế hoạch vật tư, tài chính đã có các chuyển biến tích cực chứng tỏ tính chất luân chuyển kế hoạch đã có hiệu quả và thẩm thấu vào tư tưởng từng Công ty con, từng bộ phận, ban ngành, từng cá nhân CBCNV.
- Thương hiệu Nhựa Đông Á tiếp tục khẳng định thông qua thị trường với nhiều giải thưởng lớn có uy tín trong năm 2011 như: Sao vàng đất Việt, Hàng Việt nam chất lượng cao hàng năm, Cup vàng Vietbuild qua tất cả các kỳ hội chợ, giải thưởng Thương hiệu mạnh Việt Nam.



Những thành tích Công ty đạt được

2002	- Giải thưởng hàng Việt Nam chất lượng cao cho sản phẩm cửa nhựa. - Các bằng khen của Sở công nghiệp, Thành phố Hà Nội, Hiệp hội doanh nghiệp trẻ Việt Nam, Hiệp hội Nhựa Việt Nam.
2003	- Chứng nhận Hàng Việt Nam chất lượng cao phù hợp tiêu chuẩn. - Đạt danh hiệu Doanh nghiệp trẻ xuất sắc.
2004	- Giải thưởng Hàng Việt Nam chất lượng cao. - Giải thưởng Sao vàng đất việt. - Giải thưởng Doanh nhân doanh nghiệp tiêu biểu. - Giải Thương hiệu mạnh Việt Nam. - Các Bằng khen của Sở công nghiệp, Thành phố Hà Nội, Hiệp hội doanh nghiệp trẻ Việt Nam, Hiệp hội Nhựa Việt Nam - Bằng khen của ủy ban quốc gia về hợp tác kinh tế quốc tế.
2005	- Giải thưởng cúp vàng thương hiệu ngành xây dựng Việt Nam - Các Bằng khen của Sở công nghiệp, Thành phố Hà Nội, Hiệp hội doanh nghiệp trẻ Việt Nam, Hiệp hội Nhựa Việt Nam.

	3. Giải thưởng Quốc tế hàng Công nghiệp Việt Nam . 4. Giải thưởng hàng Việt Nam Chất lượng cao. 5. Giải Thương hiệu mạnh Việt Nam.
2006 2006	1. Giải thưởng Sao vàng đất Việt. 2. Giải thưởng Quốc tế hàng công nghiệp Việt Nam (Cúp vàng Vietbuild). 3. Giải thưởng hàng Việt Nam chất lượng cao. 4. Giải Thương hiệu mạnh Việt Nam. 5. Cúp vàng thương hiệu sản phẩm uy tín hàng đầu Việt Nam. 6. Doanh nghiệp trẻ Thăng Long. 7. Cúp vàng của Bộ Khoa học và Công nghệ. 8. Các bằng khen của Sở công nghiệp, Thành phố Hà Nội, Hiệp hội doanh nghiệp trẻ Việt Nam, Hiệp hội Nhựa Việt Nam, bằng khen của UBND Thành phố Hà Nội, giải thưởng liên hiệp thanh niên VN.
2007	1. Cúp vàng thương hiệu ngành xây dựng. 2. Huy chương vàng hội chợ Quốc tế ngành xây dựng. 3. Giải thưởng Quốc tế hàng Công nghiệp Việt Nam (Cúp vàng Vietbuild) dành cho thương hiệu. 4. Các bằng khen của Sở công nghiệp, Thành phố Hà Nội, HH DN trẻ Việt Nam.
2008	1. Giải Sao vàng đất việt. 2. Thương hiệu mạnh. 3. Cúp vàng thương hiệu mạnh.
2009	1. Hàng Việt Nam chất lượng cao do người tiêu dùng bình chọn năm 2009. 2. Thương hiệu mạnh Việt Nam. 3. Bằng khen và cúp vàng giải thưởng thương hiệu kinh tế đối ngoại uy tín năm 2009.
2010	1. Hàng Việt Nam chất lượng cao năm 2010. 2. Cúp vàng thương hiệu ngành xây dựng - Triển Lãm Vietbuild Hà Nội năm 2010 3. Giải Sao vàng đất Việt 2010 4. Thương hiệu chứng khoán uy tín năm 2010.
2011	1. Hàng Việt Nam Chất lượng cao năm 2011 2. Thương hiệu tiêu biểu ngành xây dựng 3. Huy chương vàng sản phẩm cửa UPVC nhãn hiệu Smartwindown, thanh Seaprofile, tấm nhôm DAG- ALU. 4. Cờ và bằng khen của UBND TP Hà Nội là đơn vị sản xuất về phong trào thi đua khối doanh nghiệp, 5. Bằng khen của thủ tướng chính phủ.

II. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN 2012

1 Mục tiêu cụ thể về kế hoạch doanh thu/lợi nhuận năm 2012

Với mục tiêu và định hướng hoạt động sản xuất kinh doanh như trên, kế hoạch doanh thu 2012 dự kiến như sau:

- Doanh thu: 690.000.000.000 đồng, trong đó phân bổ:

Đơn vị	Doanh thu
VPTĐ	153,500,000,000đ
Công ty NĐA	340,374,800,000đ
Công ty S.M.W	143,725,200,000đ
Công ty ĐAS	52,400,000,000đ
Tổng	690,000,000,000đ

- Lợi nhuận sau thuế: 15.000.000.000 đồng

- Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế còn tiếp tục đến hết năm 2012, HĐQT DAG nhận định sẽ ảnh hưởng rất lớn đến tình hình thực hiện kế hoạch lợi nhuận, nếu để ở mức kỳ vọng cao. Do vậy, việc đề mục tiêu lợi nhuận trên là rất hợp lý, tùy theo điều kiện thị trường và kinh tế ổn định, các chỉ tiêu này sẽ được HĐQT DAG điều chỉnh cho phù hợp.

2. Về mục tiêu chung

- Tập trung các hoạt động tái cấu trúc toàn diện nhằm đạt chuẩn về tổ chức mô hình quản lý theo hướng Tập đoàn tư nhân đa ngành – đa nghề nhưng vẫn đảm bảo chuyên sâu ngành nghề hoạt động sản xuất thế mạnh hiện tại đến 2015.
- Quyết tâm bằng mọi biện pháp trong điều hành quản lý sản xuất – kinh doanh và sử dụng nguồn lực nội tại thực hiện kế hoạch, chỉ tiêu về doanh thu 690 tỷ, lợi nhuận sau thuế 15 tỷ mà Hội đồng quản trị Tập đoàn đặt ra;
- Duy trì ổn định sản xuất, khắc phục những tồn tại – yếu kém trong tác nghiệp tại các Phòng/Ban đơn vị;
- Tập trung làm tốt công tác nhận diện thương hiệu DAG, Mục tiêu tăng tỷ lệ nhận diện thương hiệu trong năm 2012 lên 30% , triển khai các công cụ Marketing/PR hiệu quả nhằm hỗ trợ kinh doanh tốt cho các nhãn hiệu sản phẩm của các Công ty thành viên. Nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của các sản phẩm Nhựa Đông Á và đồng bộ hóa hệ thống dịch vụ - chăm sóc khách hàng;
- Về công tác đầu tư – xây dựng. Dự kiến trong năm 2012, Tập đoàn sẽ đầu tư thêm một số dự án sau: tiếp tục đầu tư xây dựng hạ tầng nhà máy phân xưởng sản xuất Profile tại khu CN Châu Sơn – Phú Lý- Hà Nam, đầu tư thêm máy móc thiết bị, hệ thống trộn điện tử hiện đại nhất Đông Nam Á, máy đùn khuôn mẫu quyết tâm làm chủ các công nghệ sản xuất nhằm đạt hiệu quả cao các Sản phẩm mới, tăng cường công tác đào tạo tay nghề, chuyển giao công nghệ. ; dự án đầu tư mua mới dây chuyền sản xuất Decal tại khu công nghiệp Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội.
- Thúc đẩy hoạt động xuất khẩu vào các thị trường mục tiêu các sản phẩm chủ lực như bệ Hiflex, Mica
- Bước đầu tham gia đầu tư tài chính, bất động sản, văn phòng cho thuê nhằm đa dạng hóa loại hình kinh doanh theo đúng mô hình Tập đoàn. Đến năm 2012, DAG sẽ có vốn điều lệ đạt 187.5 tỷ đồng thực hiện tăng vốn theo kế hoạch phát triển, thông qua Đại hội đồng cổ đông năm 2012; phát hành thông qua thị trường chứng khoán Việt Nam., tìm kiếm đối tác cổ đông chiến lược hỗ trợ DAG trong việc hoạch định phát triển, hỗ trợ phát triển và tái cấu trúc toàn diện.
- Xây dựng, hoàn thiện hơn nữa các chính sách phúc lợi và văn hóa doanh nghiệp với chủ trương của DAG hướng tới chia sẻ hiệu quả sản xuất – kinh doanh với CB quản lý. Tạo dựng môi trường văn hóa đặc trưng và gia tăng các chính sách chăm lo thiết thực đến đời sống vật chất tinh thần cho CBCNV toàn tập đoàn.

3. Về biện pháp cụ thể

3.1. Về chính sách phát triển nguồn nhân lực

- Nâng cao hoạt động đánh giá, phát hiện, bồi dưỡng cán bộ quản lý kế cận tại tất cả các Bộ phận toàn Tập đoàn. Thực hiện đồng bộ các chính sách nhân sự, nhanh nhạy nắm bắt tâm lý từng CBCNV để kịp thời điều tiết hài hòa lợi ích giữa người lao động và doanh nghiệp, kích thích tâm lý hăng say làm việc và làm việc có hiệu quả của từng cá nhân người lao động.
- Thực hiện và làm tốt chức năng nhân sự được giao trong: tuyển dụng, đào tạo, bổ nhiệm, bồi dưỡng, chăm lo đời sống tinh thần/vật chất đội ngũ CBCNV, tăng cường công tác truyền tải chính sách người lao động rộng rãi. Đặc biệt tư vấn và làm tốt văn hóa doanh nghiệp với nét đặc trưng DAG.

3.2. Về Chính sách đào tạo:

- Tiếp tục định hướng tăng cường công tác đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực trong toàn Tập đoàn căn cứ vào nhu cầu thực tế và chiến lược đào tạo từng thời kỳ;
- Tăng cường công tác tổ chức các khóa học ngắn/dài hạn trong và ngoài Tập đoàn cho từng đối tượng tham gia thích hợp nhằm nâng cao trình độ và khả năng đáp ứng chất lượng công việc cũng như tăng trưởng của Tập đoàn;
- Phối kết hợp với các cơ sở đào tạo, các trường dạy nghề, các trường Đại học nhằm đào tạo và tuyển dụng hệ thống công nhân kỹ thuật có tay nghề cao;
- Tập trung cho đào tạo tiếp tục được DAG coi là một trong các công tác nhân sự hàng đầu. Mục tiêu đào tạo của DAG là ngày càng xây dựng và phát triển được đội ngũ CBCNV chuyên nghiệp, giữ gìn đạo đức trong kinh doanh và văn hóa DN.
- Định kỳ tổ chức kiểm tra chuyên môn, thi tay nghề nhằm đánh giá, lựa chọn và cơ sở cho các điều chỉnh về đãi ngộ lương, bổ nhiệm toàn Tập đoàn.

3.3. Về chính sách, chế độ đối với người lao động

- Ổn định thu nhập và công việc làm thường xuyên, chăm lo đời sống vật chất/tinh thần, chính sách phúc lợi cho hơn 550 CBCNV toàn Tập đoàn, lấy đó là mục tiêu trọng tâm trong chiến lược phát triển nguồn nhân lực năm 2012.
- Tiếp tục triển khai điều chỉnh phương án đánh giá mức độ hoàn thành công việc, tiếp tục hiệu chỉnh các mô hình, tiêu chí đánh giá phù hợp nhằm phát triển năng lực và đánh giá chính xác hiệu quả lao động của CBCNV
- Tổ chức và duy trì các hoạt động mang tính chất văn hóa doanh nghiệp như: giao lưu văn nghệ, tổ chức tham quan, nghỉ mát .. nhằm gắn kết các cá nhân trong toàn tập đoàn, và đáp ứng đời sống tinh thần cho CBCNV..
- Tăng cường hoạt động của tổ chức công đoàn cơ sở nhằm quan tâm tốt hơn nữa đến đời sống của tập thể CBCNV.
- Tiếp tục xây dựng các cơ chế đãi ngộ thỏa đáng nhằm thu hút người có tài, có đức vào cống hiến và xây dựng tập đoàn, cũng như tăng cường gắn kết người lao động đang làm việc ví dụ: trong năm thực hiện phát hành cổ phần ưu đãi cho CBCNV có thâm niên và có cống hiến vượt bậc cho tập đoàn.

3.4. Về chất lượng & khoa học công nghệ

- Duy trì và cải tiến, bổ sung quy trình của hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001 – 2008 đối với tất cả các đơn vị trực thuộc Tập đoàn. Trong đó tập trung triển khai chuẩn hóa toàn diện quy trình hoạt động và quản lý tại DAS.
- Tăng cường công tác kiểm soát chất lượng vật tư đầu vào, thành phẩm xuất xưởng tại các KCN đối với toàn bộ sản phẩm cung cấp ra thị trường nhằm giữ vững tôn chỉ ” Uy tín khởi nguồn từ chất lượng” của DAG.
- Chuyển giao công nghệ: thường xuyên mời các chuyên gia đầu ngành về kỹ thuật từ các đơn vị chuyển giao công nghệ về đào tạo nghề và nâng cao trình độ chuyên môn trong sản xuất và vận hành hệ thống máy móc đòi hỏi kỹ thuật cao.
- Hệ thống hóa, chuẩn hóa quy trình quản lý, duy tu, sửa chữa, vận hành hệ thống máy móc máy móc tốt tại các nhà máy, coi đây là mấu chốt cho việc sản xuất thành phẩm đạt yêu cầu chất lượng.
- Tổ chức vận hành hiệu quả các phòng kỹ thuật, phân tích tại các khu công nghiệp, chú trọng công tác tuyển dụng, đào tạo chuyên gia nội bộ, đánh giá nội bộ nhằm thường xuyên đổi mới và cải tạo năng lực sản xuất của máy móc thiết bị.

3.5. Về xuất khẩu:

- Năm 2012, DAG đặt mục tiêu có mặt hàng xuất khẩu nhằm đưa thương hiệu DAG sang thị trường nước ngoài với sản phẩm mũi nhọn là bột Hiflex, thanh sea profile, tấm PP công nghiệp, cửa Upvc, gioăng và doanh số xuất khẩu hướng tới 3 triệu USD/ năm, tăng 530% so với 2011.
- Thị trường xuất khẩu được xác định là tập trung trước vào các nước trong khối ASIAN (Thái Lan, Malayssia, Myanmar, Philipines, Laos, Campuchia), Srilanka, Ấn độ và một số quốc gia Châu phi (Chi Lê, Angola, Syris, Bangladesh, Ixarel...).
- Tăng cường các chính sách về khai thác thị trường – nâng chất lượng sản phẩm, PR/ marketing, -dịch vụ - hậu mãi, phân phối.

3.6 Về chính sách tài chính

- Sử dụng chính sách linh hoạt trong xác định nhu cầu vốn, các quyết sách về huy động và sử dụng nguồn tùy theo diễn biến của thị trường tài chính – tiền tệ trong năm 2012. Tiếp tục sử dụng đa dạng hóa các kênh tín dụng của các tổ chức tín dụng, các ngân hàng lớn nhằm tạo ra tính chủ động trong cân đối tài chính.
- Đẩy mạnh hơn nữa công tác tư vấn, thẩm định các quyết sách đầu tư, tài trợ và sử dụng nguồn để Lãnh đạo tập đoàn đưa ra các chiến lược phù hợp và hiệu quả.
- Thường xuyên tiến hành phân tích, báo cáo tình hình sử dụng nguồn vốn hiệu quả của tập đoàn cấp phát cho các đơn vị/ công ty thành viên, vào các dự án, các lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Tăng cường công tác quản lý tài chính, kế toán, thống kê nhằm tư vấn tốt cho Lãnh đạo về các chỉ tiêu tài chính ổn định, thực hiện công tác phân tích tài chính đồng bộ và chuyên nghiệp, thường xuyên kiểm tra tình hình triển khai thực hiện các kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, định mức mà tập đoàn đã ban hành, tư vấn cho Lãnh đạo điều chỉnh chiến lược cho phù hợp với thực tiễn.
- Tăng cường đào tạo và chuẩn hóa đội ngũ cán bộ tài chính – kế toán, đáp ứng tốt yêu cầu công bố thông tin của tổ chức niêm yết cổ phiếu.

3.7. Về chính sách sản phẩm - phát triển thương hiệu

- Đối với sản phẩm mới: tiếp tục thực hiện đa dạng hóa danh mục thành phẩm sản xuất, bằng các chiến lược sản phẩm mới/dây chuyền mới.
 - + Sản phẩm MICA bắt đầu được đưa vào thị trường quý I/2012, dự kiến cho doanh thu tháng 4.2012.
 - + Sản phẩm chiến lược phát triển mảng sản xuất năm 2012 DAG: được xác định thứ tự là thanh Sea Profile, Cửa Smartwindow, tấm Nhôm composite, tấm PP Đông Á, Cửa hợp kim nhôm – vách kính dựng giấu đồ, Bột Hiflex,
- Tăng cường công tác nhận biết các nhãn hiệu hiện có của DAG, hệ thống nhãn hiệu đã được bảo hộ độc quyền sâu rộng hơn nhằm tạo ra hình ảnh thân thuộc trong lòng người tiêu dùng nói chung. Coi đây là tiền đề phục vụ hiệu quả hoạt động tiêu thụ bán hàng của toàn tập đoàn.
- Sử dụng linh hoạt và đa dạng các phương tiện, các kênh thông tin đại chúng cho các hoạt động PR hình ảnh của doanh nghiệp cũng như quảng bá nhãn hiệu của các sản phẩm của tập đoàn một cách sâu rộng, hiệu quả, phù hợp với tình hình tài chính của tập đoàn.
- Đẩy mạnh hoạt động khai thác, tìm hiểu thị trường để đưa các sản phẩm mới thâm nhập vào thị trường hiệu quả và bài bản.

- Thường xuyên thực hiện đánh giá thị phần các sản phẩm hiện đang kinh doanh của DAG để có thể đưa ra những chính sách phù hợp với từng thời điểm, từng giai đoạn.

3.8. Về chính sách tiêu thụ/thị trường

- Tiếp tục chính sách sử dụng các kênh phân phối và tiêu thụ sản phẩm linh hoạt tùy theo sự biến động của thị trường; Triển khai mở rộng các nhà phân phối lớn tại các Tỉnh phụ cận miền Bắc/tiếp cận các dự án đối với sản phẩm mới, vật liệu mới. Tăng cường mở rộng hệ thống đại lý mới và hướng các chính sách kích cầu, ưu đãi nhanh chóng đến các đại lý, khách hàng trong toàn hệ thống.
- Điều hành chính sách giá, chính sách kinh doanh linh hoạt, phù hợp với tình hình của thị trường vốn, thị trường yếu tố đầu vào trong năm 2012 nhằm đạt được mục tiêu doanh thu và lợi nhuận toàn Tập đoàn;
- Triển khai đồng bộ, hợp lý các chính sách hậu mãi, tặng quà, chiết khấu, dịch vụ sau bán hàng theo từng đợt, từng chương trình.

3.9. Về chính sách kế hoạch - cung ứng

- Chủ động hơn nữa trong công tác lập kế hoạch vật tư của đội ngũ nhân viên phòng Kế hoạch vật tư tại các đơn vị bằng cách thực hiện lập kế hoạch, dự trù sát với thực tế nhằm đảm bảo cung ứng đủ, nhanh, kịp thời nguồn nguyên, nhiên, vật liệu phục vụ sản xuất.
- Tăng cường công tác duy trì, tìm kiếm các đơn vị cung cấp mới trong nước và nhập khẩu từ nước ngoài. Hoàn thiện quy chế, quy trình cung ứng vật tư toàn Tập đoàn;
- Thực hiện chính sách đa dạng hóa nhà cung cấp, vật tư mới ... nhằm chủ động kênh phân phối NVL, tạo nhiều cơ hội lựa chọn nhà cung cấp và chủ động trong điều tiết kế hoạch hàng hóa.
- Nâng cao tính chủ động, dự báo và duy trì tồn kho đảm bảo sản xuất và cung ứng hàng hóa cho toàn Tập đoàn;
- Đối với các loại nguyên vật liệu sử dụng khối lượng lớn, thường xuyên: chủ trương trong năm 2012 triển khai nhập khẩu trực tiếp của các nhà phân phối nước ngoài, nhằm chủ động hơn nữa nguồn cung cho sản xuất tại các KCN.

3.10. Về hoạt động kiểm tra/kiểm soát/pháp chế

- Tiếp tục chuẩn hóa hoạt động kiểm soát, kiểm tra nhằm đưa hoạt động kiểm soát theo hướng chuyên nghiệp, thực hiện đầy đủ chức năng/nhiệm vụ trong vai trò xác định rủi ro, gian lận và sai sót toàn hệ thống trực thuộc.
- Thực hiện thường xuyên các nội dung xác định phương án đổi mới doanh nghiệp, chỉnh sửa, bổ sung hệ thống Quy chế/văn bản của toàn Tập đoàn cho phù hợp với thực tiễn.
- Tổ chức hoàn thiện và tập hợp hệ thống văn bản, Quy chế, quy định đã ban hành thống nhất triển khai toàn Tập đoàn;

3.11. Về thông tin/truyền thông

- Chuẩn hóa quy trình công bố thông tin, đáp ứng yêu cầu công bố thông tin của tổ chức niêm yết định kỳ, bất thường theo quy định của pháp luật Chứng khoán hiện hành, cho Sở giao dịch chứng khoán TpHCM, Ủy ban chứng khoán nhà nước, các cơ quan ban ngành liên quan.
- Tổ chức và điều phối các sự kiện liên quan như: Đại hội đồng cổ đông, các phiên họp thường kỳ, bất thường của HĐQT.
- Chuẩn hóa các hoạt động của người phát ngôn/công bố thông tin ra bên ngoài;

- Thường xuyên update thông tin ra bên ngoài theo đúng quy trình và nhằm minh bạch hóa hoạt động của tổ chức niêm yết.
- Chú trọng công tác PR, quảng bá về thương hiệu, sản phẩm của tập đoàn, thực hiện đưa thông tin đến tận tay người tiêu dùng.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Báo cáo tài chính hợp nhất

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty TNHH Thương mại sản xuất nhựa Đông Á được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102002000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 16/02/2001. Theo Biên bản họp Hội đồng thành viên số 158/BB -HĐTV -ĐA ngày 15/08/2006 và Quyết định số 190/QĐ-HĐTV -ĐA ngày 19/09/2006, Công ty TNHH Thương mại sản xuất nhựa Đông Á được đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn nhựa Đông Á và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014564 ngày 14 tháng 11 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty đã có 03 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần ba ngày 18 tháng 04 năm 2011 thì vốn điều lệ của Công ty là: **125.000.0000.000 VND** (Bằng chữ: *Một trăm hai mươi lăm tỷ đồng*).

Tên giao dịch quốc tế của Công ty: DONG A PLASTIC GROUP JOINT STOCK COMPANY
Tên viết tắt: Tập đoàn Đông Á

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Kinh doanh nhà hàng, nhà nghỉ, khách sạn, dịch vụ du lịch sinh thái (Không bao gồm kinh doanh quán bar; phòng hát Karaoke, vũ trường).
- Đầu tư, xây dựng nhà ở;
- Gia công cơ khí;
- Kinh doanh phương tiện vận tải; Thiết bị máy móc phương tiện vận tải;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách;
- Kinh doanh bất động sản, nhà ở (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội ngoại thất;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Buôn bán máy móc, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp, giao thông;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Kinh doanh các vật tư, thiết bị ngành nhựa và ngành điện công nghiệp, điện dân dụng;
- Sản xuất các sản phẩm, các vật liệu phục vụ trong xây dựng và trang trí nội ngoại thất;

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Ngọc Hồi - Ngọc Hồi - Thanh Trì - Hà Nội

Tel: (04) 26891 888 Fax: (04) 26861 616

Văn phòng giao dịch: Tầng 6 toà nhà DMC Tower số 535 Kim Mã - Ba Đình - Hà Nội

Điện thoại: (04) 7342 888 Fax: (04) 7710 789

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2011 và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Bá Hùng	Chủ tịch
Bà Trần Thị Lê Hải	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Tính	Thành viên
Ông Marume Mitsuo	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Quang	Thành viên

Ban Giám đốc

Bà Trần Thị Lê Hải	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Quang	Phó Tổng giám đốc
Ông Lê Cao Long	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Phú Thắng	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Việt Sơn	Phó Tổng giám đốc
Bà Đinh Thị Thu Hiền	Trưởng phòng Kế toán
Bà Mai Thu Hà	Kế toán trưởng

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2011 được kiểm toán bởi Công ty TNHH H Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2011.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2011 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2011 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính 2011.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Giám đốc,
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á



Trần Thị Lê Hải
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 02 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN**về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2011
của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á**

Kính gửi : Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2011 được lập ngày 20/02/2012 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (gọi tắt là "Công ty") từ trang 7 đến trang 28 kèm theo. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh phần IV của Thuyết minh Báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính năm 2010 của công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên

Theo qui định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 05, Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính 2011:

- (a) Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày; và
- (b) Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo kiểm toán được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Trần Quốc Tuấn

Tổng giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0148/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Ngô Bá Duy

Kiểm toán viên

*Chứng chỉ kiểm toán viên
số: 1107/KTV*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Mẫu số B01 - DN/HN

Đơn vị tính:

VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		382,399,578,360	237,766,882,485
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		18,374,238,991	1,634,003,656
1	Tiền	111	V.1.	18,374,238,991	1,634,003,656
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		156,603,128,134	110,305,895,343
1	Phải thu của khách hàng	131		142,145,620,316	102,275,684,697
2	Trả trước cho người bán	132		9,386,402,298	7,949,345,915
5	Các khoản phải thu khác	135	V.2.	6,234,405,545	1,113,066,289
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1,163,300,025)	(1,032,201,558)
IV	Hàng tồn kho	140		203,161,628,309	122,262,252,952
1	Hàng tồn kho	141	V.3.	203,161,628,309	122,262,252,952
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		4,260,582,926	3,564,730,534
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		119,451,708	53,724,898
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		1,061,149,765	39,836,200
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		467,247,107	459,276,582
4	Tài sản ngắn hạn khác	158		2,612,734,346	3,011,892,854
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		187,010,700,916	155,417,355,069
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		150,520,725	-
II	Tài sản cố định	220		168,495,122,140	147,998,125,110
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.4.	131,205,146,304	80,718,930,920
-	Nguyên giá	222		176,487,393,654	115,264,267,745
-	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(45,282,247,350)	(34,545,336,825)
2	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.5.	7,899,404,694	3,639,699,149
-	Nguyên giá	225		9,100,935,530	3,728,518,728
-	Giá trị hao mòn lũy kế	226		(1,201,530,836)	(88,819,579)
3	Tài sản cố định vô hình	227	V.6.	43,226,956	119,397,691
-	Nguyên giá	228		407,819,466	407,819,466
-	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(364,592,510)	(288,421,775)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7.	29,347,344,186	63,520,097,350
III	Bất động sản đầu tư	240	V.8.	3,353,348,222	3,421,783,900
-	Nguyên giá	241		3,421,783,900	3,421,783,900
-	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		(68,435,678)	-
IV	Tài sản dài hạn khác	260		15,011,709,830	3,997,446,059
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9.	14,841,899,830	3,621,085,334
3.	Tài sản dài hạn khác	268		169,810,000	376,360,725
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		569,410,279,276	393,184,237,554

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A	NỢ PHẢI TRẢ	300		418,331,226,884	268,172,608,385
I	Nợ ngắn hạn	310		363,369,162,459	226,165,576,863
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.10.	207,796,520,023	122,439,506,474
2	Phải trả người bán	312		69,766,932,715	58,425,257,294
3	Người mua trả tiền trước	313		59,890,845,992	31,382,427,377
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11.	7,302,747,828	2,935,356,290
5	Phải trả người lao động	315		2,849,306,273	2,271,545,028
6	Chi phí phải trả	316	V.12.	564,356,196	345,163,733
9	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.13.	15,198,453,432	8,366,320,667
II	Nợ dài hạn	330		54,962,064,425	42,007,031,522
3	Phải trả dài hạn khác	333		105,000,000	-
4	Vay và nợ dài hạn	334	V.14.	34,528,846,583	15,355,591,218
5	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		9,353,236	-
8	Doanh thu chưa thực hiện	338	V.15.	20,318,864,606	26,651,440,304
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		151,079,052,393	125,011,629,169
I	Vốn chủ sở hữu	410	V.16.	151,079,052,393	125,011,629,169
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		125,000,000,000	100,000,000,000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		4,050,000,000	-
5	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	780,629,594
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(779,218,761)	-
7	Quỹ đầu tư phát triển	417		3,239,682,853	2,441,189,359
8	Quỹ dự phòng tài chính	418		2,776,281,011	1,983,695,358
9	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		1,760,063,750	961,570,256
10	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		15,032,243,540	18,844,544,602
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
C	LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		569,410,279,277	393,184,237,554

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2012
CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Người lập



Nguyễn Thu Hiền

Kế toán trưởng



Mai Thu Hà

Tổng giám đốc



Trần Thị Lê Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2011

(Mẫu số B02-DN/HN)

Đơn vị tính :

VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.17.	603,579,671,602	331,076,622,326
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.18.	3,717,117,066	2,712,787,667
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.19.	599,862,554,536	328,363,834,659
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.20.	510,102,084,492	259,580,563,430
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		89,760,470,044	68,783,271,229
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.21.	116,688,573	51,703,818
7	Chi phí tài chính	22	VI.22.	36,502,763,359	17,164,197,187
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		34,207,758,810	13,308,579,148
8	Chi phí bán hàng	24		20,141,834,724	14,893,121,412
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		16,500,645,795	15,058,392,664
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16,731,914,739	21,719,263,784
11	Thu nhập khác	31		13,920,126,000	676,993,098
12	Chi phí khác	32		12,087,148,936	253,414,270
13	Lợi nhuận khác	40		1,832,977,064	423,578,828
14	Lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		-	-
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		18,564,891,803	22,142,842,612
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		4,095,238,425	2,044,002,623
17	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		9,353,236	-
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		14,460,300,143	20,098,839,989
18.1	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		-	-
18.2	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		14,460,300,143	-
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.21.	1,222	2,010

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2012

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Tổng giám đốc

Người lập

Kế toán trưởng

Nguyễn Thu Hiền

Mai Thu Hà

Trần Thị Lê Hải



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2011

Mẫu số B03 - DN/HN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu		Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		738,588,463,565	392,775,587,685
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(777,340,587,625)	(378,967,060,019)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(23,508,667,376)	(16,824,329,892)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04		(34,207,758,810)	(17,579,882,133)
5.	Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(475,830,236)	(1,563,374,133)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		95,130,871,813	44,565,002,492
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(86,405,606,208)	(36,422,249,495)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(88,219,114,877)	(14,016,305,495)
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(23,955,544,953)	(16,042,030,902)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		79,663,761	47,419,473
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		116,688,473	42,400,368
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(23,759,192,719)	(15,952,211,061)
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		29,050,000,000	
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		473,635,868,635	232,332,262,481
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(369,105,599,721)	(191,984,777,567)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4,853,980,000)	(9,789,180,000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		128,726,288,914	30,558,304,914
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		16,747,981,318	589,788,358
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1.	1,634,003,656	1,042,934,381
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(7,745,983)	1,280,917
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ		70	V.1.	18,374,238,991	1,634,003,656

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2012
CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Người lập

Kế toán trưởng

Nguyễn Thu Hiền

Mai Thu Hà

Tổng giám đốc

Trần Thị Lê Hải



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Nhựa Đông Á được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102002000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 16 tháng 2 năm 2001. Theo Biên bản họp Hội đồng thành viên số 158/BB -HĐTV-ĐA ngày 15 tháng 8 năm 2006 và Quyết định số 190/QĐ -HĐTV-ĐA ngày 19 tháng 9 năm 2006, Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Nhựa Đông Á được đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn nhựa Đông Á và hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0103014564 ngày 14 tháng 11 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Công ty đã có 03 lần thay đổi chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần ba ngày 18/4/2011 thì vốn điều lệ của Công ty là 125.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Một trăm hai lăm tỷ đồng*)

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại các mặt hàng sắt thép, kim khí xây dựng cơ bản và gia công sản xuất khung nhà và khung kho bằng thép, kết cấu thép.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh nhà hàng, nhà nghỉ, khách sạn, dịch vụ du lịch sinh thái (Không bao gồm kinh doanh quán bar; phòng hát Karaoke, vũ trường).
- Đầu tư, xây dựng nhà ở;
- Gia công cơ khí;
- Kinh doanh phương tiện vận tải; Thiết bị máy móc phương tiện vận tải;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách;
- Kinh doanh bất động sản, nhà ở (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội ngoại thất;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Buôn bán máy móc, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp, giao thông;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Kinh doanh các vật tư, thiết bị ngành nhựa và ngành điện công nghiệp, điện dân dụng;
- Sản xuất các sản phẩm, các vật liệu phục vụ trong xây dựng và trang trí nội ngoại thất;

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Ngọc Hồi - Ngọc Hồi - Thanh Trì - Hà Nội
Tel: (04) 26891 888 Fax: (04) 26861 616

4. Danh sách các Công ty con được hợp nhất:

- Số lượng công ty con: 3 công ty

- Số lượng công ty con được hợp nhất: 3 công ty

1. Công ty TNHH Nhựa Đông Á

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Châu Sơn - Phú Lý - Hà Nam

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

2. Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Ngọc Hồi - Xã Ngọc Hồi - Huyện Thanh Trì - Thành phố Hà Nội

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

3. Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Đông Á

Địa chỉ: Lô số 36 - Đường Tân Tạo - Khu Công nghiệp Tân Tạo A - Quận Bình Tân - TP Hồ Chí Minh

Tỷ lệ lợi ích của Công ty mẹ: 100%

Quyền biểu quyết của Công ty mẹ: 100%

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam “VND”, hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003 và chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 – Chuẩn mực chung.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC của Bộ tài chính.

2. Áp dụng hướng dẫn kế toán

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Phương pháp hạch toán các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC có sự khác biệt so với chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần bị lỗ chênh lệch tỷ giá trong năm năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Ban Giám đốc Công ty quyết định không áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 và tin tưởng việc áp dụng theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC sẽ phản ánh hợp lý hơn tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty. Nếu áp dụng chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10, lợi nhuận của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày 31/12/2011 sẽ tăng 779.218.761 VND và khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31/12/2011 sẽ có số dư nợ với một khoản tiền tương ứng.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

4. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

Các công ty con

Các công ty con là các đơn vị do Công ty kiểm soát. Sự kiểm soát được hiểu là khi Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết trực tiếp tại một công ty hoặc có khả năng trực tiếp khi chi phối các chính sách tài chính hay hoạt động của một đơn vị để thu được các lợi ích kinh tế từ hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát, có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu kiểm soát đến ngày kết thúc kiểm soát.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính của các Công ty mà Công ty nắm giữ trực tiếp trên 50% vốn cổ phần trở lên tại ngày 30/6/2011. Các nghiệp vụ luân chuyển nội bộ và số dư nội bộ giữa Công ty với Công ty con và giữa các Công ty con với nhau đã được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo hợp nhất, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003.

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh giao dịch.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: phương pháp bình quân gia quyền sau từng lần nhập xuất.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

4.1 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03- Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 về việc hướng dẫn chế độ quản lý sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định

Thời gian khấu hao (năm)

Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc thiết bị	3 - 7,5
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	4 - 5

4.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán Effect và phần mềm quản lý.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định vô hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/TT - BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính .

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình.

Loại tài sản cố định

Phần mềm kế toán Effect
Hệ thống quản lý
ISO 9001

Thời gian khấu hao <năm>

4
4

4.3 Nguyên tắc ghi nhận tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là xe ô tô và máy móc thiết bị, được ghi nhận là TSCĐ thuê tài chính theo hợp đồng thuê mua với Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Chailease và Công ty CP Cho thuê tài chính NH Ngoại Thương, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 06 – Thuê tài sản. Quyền sở hữu tài sản có thể chuyển giao vào cuối thời hạn thuê.

Các tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với các tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, cụ thể số năm trích khấu hao đối với từng nhóm tài sản như sau:

Loại tài sản cố định

Thời gian khấu hao (năm)

Máy móc thiết bị	6
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6

4.4 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư.

Nguyên tắc ghi nhận bất động sản đầu tư và khấu hao

Bất động sản đầu tư của Công ty là quyền sử dụng đất lô đất có diện tích 960m² tại Khu công nghiệp Ngọc Hồi với nguyên giá là 3.421.783.900 VND do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp. Công ty thực hiện khấu hao Bất động sản đầu tư là 50 năm.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn) của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hóa để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau, bao gồm các loại chi: Công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công cụ dụng cụ có thời gian sử dụng dưới một năm;

Giá trị bao bì luân chuyển, đồ dùng cho thuê

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Khu công nghiệp Châu Sơn quy định: giá trị ghi nhận được xác định dựa vào thời gian sử dụng và hợp đồng quy định.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán sản phẩm nhựa truyền thống (như tấm trần, các loại phào, nẹp, tấm cửa và khung bao), sản phẩm nhựa UPVC; doanh thu cung cấp dịch vụ thi công lắp đặt, Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi và doanh thu khác.

Doanh thu bán vật tư, sản phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu cung cấp dịch vụ thi công lắp đặt được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, thanh lý, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác". Phần công việc đã hoàn thành của dịch vụ cung cấp được xác định theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – "Doanh thu và thu nhập khác".

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

12. Nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

12.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

12.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng dở dang

Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang của đơn vị gồm chi phí xây dựng nhà máy tại khu công nghiệp Ngọc Hồi, dự án nâng cấp dây chuyền sản xuất nhôm, dự án dây truyền sản xuất Mica và các dự án khác đang trong quá trình xây dựng được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp.

12.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được công ty ghi nhận là vay dài hạn.

12.4 Nguyên tắc trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi của công ty được lập cho các khoản phải thu quá hạn thanh toán và các khoản phải thu của các tổ chức kinh tế đã bị phá sản và đang làm thủ tục giải thể, theo quy định tại thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009

12.5 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế giá trị gia tăng (GTGT).

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất là 10% đối với các vật tư, sản phẩm, hàng hóa từ nhựa và 0% đối với các mặt hàng xuất khẩu.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN là 25% trên lợi nhuận chịu thuế đối với phần thu nhập của hoạt động thuế.

Việc xác định thuế TNDN của công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

12.6 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.

1. Tiền

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tiền mặt tại quỹ	977,083,693	59,915,594
<i>Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á</i>	513,828,606	851,765
<i>Công ty TNHH Nhựa Đông Á</i>	359,305,958	2,743,430
<i>Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam</i>	97,923,135	28,684,200
<i>Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Đông Á</i>	6,025,994	27,636,199
Tiền gửi ngân hàng	17,397,155,298	1,574,088,062
<i>Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á</i>	2,324,797,739	1,160,768,418
<i>Công ty TNHH Nhựa Đông Á</i>	14,447,741,159	364,929,595
<i>Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam</i>	621,334,288	45,966,006
<i>Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Đông Á</i>	3,282,112	2,424,043
Cộng	18,374,238,991	1,634,003,656

2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Ông Nguyễn Đức Dũng	-	11,473,751
Trịnh Trung B001DN hàng ký gửi	-	38,219,904
CT cho thuê tài chính NHTMCP Ngoại thương VN	1,909,747,723	334,673,554
GAOMING Foreign Trade Enterprise	864,362,000	-
Hoàng Văn Võ	1,650,000	13,650,000
Các đối tượng khác	3,363,782,941	715,049,080
Dư nợ TK 338	94,862,881	-
Cộng	6,234,405,545	1,113,066,289

3. Hàng tồn kho

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Hàng mua đang đi trên đường	6,923,882	7,286,506,479
Nguyên liệu, vật liệu	112,150,675,717	39,217,120,740
Công cụ, dụng cụ	1,542,004,734	1,410,275,134
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12,131,442,770	15,124,726,977
Thành phẩm	22,013,182,088	20,848,115,376

Hàng hoá	55,316,539,543	38,374,648,671
Hàng gửi đi bán	859,575	859,575
Cộng giá gốc hàng tồn kho	<u>203,161,628,309</u>	<u>122,262,252,952</u>

4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế GTGT	7,970,525	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	459,276,582	459,276,582
Cộng	<u>467,247,107</u>	<u>459,276,582</u>

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số dư ngày 01/01/2011	44,421,117,189	60,630,174,643	9,395,599,400	764,197,506	53,179,007	115,264,267,745
Mua trong năm	-	15,445,322,306	8,159,632,894	208,056,333	-	23,813,011,533
Tăng khác	29,523,371,050	-	-	-	-	29,523,371,050
Tăng do điều chuyển	14,335,862,185	-	-	-	-	14,335,862,185
Giảm do phân loại	-	(5,601,073,671)	-	-	-	(5,601,073,671)
Thanh lý, nhượng bán	-	(781,640,000)	-	(13,745,455)	-	(795,385,455)
Giảm khác	-	(41,589,733)	-	(11,070,000)	-	(52,659,733)
Số dư ngày 31/12/2011	88,280,350,424	69,651,193,545	17,555,232,294	947,438,384	53,179,007	176,487,393,654
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 01/01/2011	6,519,068,066	19,430,783,155	8,001,536,007	555,264,102	38,685,495	34,545,336,825
Khấu hao trong năm	2,683,319,529	7,552,906,487	814,086,549	189,950,964	13,294,730	11,253,558,259
Tăng khác	-	-	88,819,579	-	-	88,819,579
Thanh lý, nhượng bán	-	(15,646,880)	-	-	-	(15,646,880)
Giảm do phân loại	-	(418,096,552)	-	-	-	(418,096,552)
Giảm khác	-	(149,962,949)	-	(21,760,932)	-	(171,723,881)
Số dư ngày 31/12/2011	9,202,387,595	26,399,983,261	8,904,442,135	723,454,134	51,980,225	45,282,247,350
Giá trị còn lại						
Số dư ngày 01/01/2011	37,902,049,123	41,199,391,488	1,394,063,393	208,933,404	14,493,512	80,718,930,920
Tại ngày 31/12/2011	79,077,962,829	43,251,210,284	8,650,790,159	223,984,250	1,198,782	131,205,146,304

6. Tài sản cố định thuê tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: VND		
	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2011	3,499,861,859	228,656,869	3,728,518,728
Tăng do phân loại	5,601,073,671	-	5,601,073,671.00
Giảm khác	-	(228,656,869)	(228,656,869)
Số dư ngày 31/12/2011	9,100,935,530		9,100,935,530
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2011	-	88,819,579	88,819,579
Khấu hao trong năm	583,310,159	-	583,310,159
Tăng khác	618,220,677	-	618,220,677
Trả lại TSCĐ thuê tài chính	-	-	-
Giảm khác	-	(88,819,579)	(88,819,579)
Số dư ngày 31/12/2011	1,201,530,836	-	1,201,530,836
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2011	3,499,861,859	139,837,290	3,639,699,149
Tại ngày 31/12/2011	7,899,404,694	-	7,899,404,694

7. Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Đơn vị tính: VND		
	Phần mềm kế toán	Hệ thống quản lý ISO 9001	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2011	387,972,800	19,846,666	407,819,466
Mua trong năm	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2011	387,972,800	19,846,666	407,819,466
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2011	270,642,436	17,779,339	288,421,775
Khấu hao trong năm	74,103,408	2,067,327	76,170,735
Tăng khác	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2011	344,745,844	19,846,666	364,592,510
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2011	117,330,364	2,067,327	119,397,691
Tại ngày 31/12/2011	43,226,956	-	43,226,956

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định	1,527,546,392	7,980,866,243
Xây dựng cơ bản dở dang	27,819,797,794	55,539,231,107
Khu công nghiệp Ngọc Hồi - Dự án Công ty TNHH MTV SMW	1,792,522,400	1,792,522,400
Khu công nghiệp Tân Tạo - Dự án Cty TNHH MTV Nhựa Đông á	-	38,955,466,388
Nhà xưởng sản xuất nhôm Composite tại Hà Nam	-	8,084,822,940
Nâng cấp hệ thống nhà xưởng	4,035,256,619	6,706,419,379
Dây chuyền sản xuất nhôm	8,666,701,751	-
Dây chuyền sản xuất Mica	9,397,038,508	-
Chi phí làm hầm lên xuống hàng bột Hiflex	157,218,668	-
Máy sản xuất thanh nhựa profile	3,771,059,848	-
Cộng	29,347,344,186	63,520,097,350

9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND

	01/01/2011	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2011
Nguyên giá	3,421,783,900	-	-	3,421,783,900
Quyền sử dụng đất	3,421,783,900	-	-	3,421,783,900
Giá trị hao mòn lũy kế	68,435,678	68,435,678	-	68,435,678
Quyền sử dụng đất	-	68,435,678	-	68,435,678
Giá trị còn lại	-	-	-	3,353,348,222
Quyền sử dụng đất	3,421,783,900	-	-	3,353,348,222

10. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Quyền sử dụng đất có thời hạn	9,982,073,878	-
Chi phí chung của Văn phòng	1,680,059,715	973,956,408
Công cụ dụng cụ	3,179,766,237	1,342,599,311
Các khoản chi phí khác	-	1,304,529,615
Cộng	14,841,899,830	3,621,085,334

11. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Vay ngắn hạn	207,398,020,283	114,835,757,441
Vay ngân hàng		
Ngân hàng TMCP Quân đội (*)	177,401,015,485	89,986,632,125
VND	165,441,702,326	66,937,226,930
USD	11,959,313,159	23,049,405,195
Ngân hàng Tiên phong	-	13,322,005,786
VND	-	5,428,552,230
USD	-	7,893,453,556
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (**)	29,997,004,798	11,527,119,530
VND	29,997,004,798	8,048,553,850
USD	-	3,478,565,680
Nợ dài hạn đến hạn trả	398,499,740	7,603,749,033
Vay dài hạn đến hạn phải trả	398,499,740	6,847,156,952
Nợ dài hạn đến hạn phải trả		731,894,542
Công ty cho thuê tài chính Chailease		24,697,539
Cộng	207,796,520,023	122,439,506,474

(*) Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Quân đội gồm 2 khoản vay bằng VND và USD:

- Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Quân đội theo hợp tín dụng hạn mức số 109.11.004.369260.TD.DN ngày 28/3/2011, hạn mức tín dụng 180,000,000,000 đồng. Thời hạn giải ngân đến hết ngày 31/3/2012, tài sản đảm bảo gồm có máy móc thiết bị trị giá 16,207,000,000 đồng, dây truyền sản xuất nhôm nhựa tổng hợp 7,000,000,000 đồng, máy sản xuất đùn thanh nhựa 5.031.520.000đ, tài sản trên đất và quyền thuê đất tại Lô 1, cụm công nghiệp Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì trị giá 11,403,100,000, hàng tồn kho luân chuyển tại khu CN Châu Sơn, Phú Lý và kho Lô 1, Cụm Công nghiệp Ngọc Hồi trị giá 100,000,000,000. Lãi suất vay theo từng kế ước.

- Hợp đồng tín dụng số 101.11.004.369260.TD.DN ngày 30/01/2011 giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch Hà Nội. Hạn mức tín dụng là 126.000 USD. Lãi suất vay của USD được nhận theo từng kế ước. Thời hạn vay là 48 tháng.

(**) Hợp đồng tín dụng số HKI/HĐTD/11053 ngày 12/07/2011 giữa Công ty với Ngân hàng Ngoại thương - Chi nhánh Hoàn Kiếm. Hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 đồng. Lãi suất vay của VND là 19,3%/năm và của USD là 7,5%/năm.

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Thuế GTGT đầu ra	1,535,828,342	941,608,541
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	276,344,789	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	81,001,588	361,393,333
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4,863,252,602	1,243,844,413
Thuế Thu nhập cá nhân	546,320,507	388,510,003

Cộng	7,302,747,828	2,935,356,290
13. Chi phí phải trả	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng	-	345,163,733
Chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng Hà Nam	560,384,032	-
Chi phí phải trả khác	3,972,164	-
Cộng	564,356,196	345,163,733
14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	240,541,914	427,157,072
Kinh phí công đoàn	60,018,760	-
Bảo hiểm xã hội, y tế	515,000,866	428,238,739
Phải trả, phải nộp khác	6,077,490,661	3,245,628,640
Ông Nguyễn Bá Hùng	5,099,500,000	-
Các đối tượng khác	977,990,661	-
Phải trả tiền cổ tức	8,238,540,000	4,245,220,000
Bảo hiểm thất nghiệp	66,861,231	20,076,216
Cộng	15,198,453,432	8,366,320,667
15. Vay và nợ dài hạn	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay dài hạn	21,613,066,241	13,403,873,592
Vay ngân hàng	21,613,066,241	13,403,873,592
Ngân hàng Á Châu (1)	-	4,780,000,000
Ngân hàng Quân đội (2)	21,613,066,241	8,623,873,592
VND	3,427,757,040	-
USD(2)	18,185,309,201	8,623,873,592
Nợ dài hạn (3)	12,915,780,342	1,951,717,626
Công ty CP cho thuê tài chính NH Ngoại thương	12,915,780,342	1,951,717,626
Cộng	34,528,846,583	15,355,591,218

(1) Là khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số SHN.02141207/02TDDN giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Á Châu - Sở Giao dịch Hà Nội ngày 31/12/2007 với thời hạn vay 60 tháng (trong đó thời gian ân hạn là 12 tháng, thời gian trả nợ gốc là 48 tháng, thời gian trả lãi vay là 60 tháng) kể từ ngày Bên vay nhận tiền vay lần đầu, lãi suất vay 0,99%/tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng: Quyền sử dụng đất thuê (trả tiền một lần) và toàn bộ tài sản gắn liền với đất (hình thành trong tương lai) tại lô số 36, đường Tân Tạo, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Thành Phố Hồ Chí Minh với diện tích là 6.573,43 m² với thời hạn thuê là 43 năm (tính đến tháng 08/2050) thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á trị giá 23.307.000.000 VND). Máy móc thiết bị hình thành trong tương lai là hệ thống các máy cắt, máy hàn, máy cưa, dây chuyền sản xuất kính hộp và các máy móc khác thuộc sở hữu của Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á trị giá 2.000.000.000 VND.

(2) Là khoản vay theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 113.09.004.369260.TD giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch Hà Nội ngày 24/11/2009. Ngày trả nợ cuối cùng là ngày 13/01/2013 với lãi suất thả nổi của khoản vay tại thời điểm giải ngân là 6,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng: Hợp đồng tín dụng số 203.10.004.369260.TD giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch Hà Nội ngày 20/08/2010. Số tiền vay theo hợp đồng là 169.330 USD, gốc thanh toán định kỳ 3 tháng một lần kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2010. Ngày trả nợ cuối cùng là 36 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, với lãi suất thả nổi của khoản vay tại thời điểm giải ngân là 6,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho chậm luân chuyển trị giá 70.000.000.000 VND và hai (02) dây chuyền máy đùn thanh Profile theo hợp đồng ngoại thương số DA-DONGXU 10.01 ngày 20 tháng 05 năm 2010. Khoản vay này được đảm bảo bằng Hợp đồng tín dụng số 284.10.004.369260.TD giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch Hà Nội ngày 22/10/2010. Ngày trả nợ cuối cùng là 60 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên (ngày 28/10/2015) với lãi suất thả nổi tại thời điểm giải ngân 6,8%/năm. Khoản vay này được thế chấp bằng hệ thống nhà xưởng, máy móc, hàng tồn kho luân chuyển và máy móc thiết bị với tổng trị giá là 132.375.000.000 VND

(3) Hợp đồng thuê tài chính giữa Công ty với Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ngày 28/5/2010, tổng giá trị 157,872 USD, thời hạn thuê 50 tháng, lãi suất cho thuê bằng lãi suất cơ bản do Công ty TNHH MTV cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố cộng biên độ 0.25%/ tháng. Tài sản thuê tài chính là dây chuyền sản xuất cửa hợp kim nhôm vách dựng đã được Công ty chuyển giao cho Công ty con là Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam.

16 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	9,353,236	
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	9,353,236	

17. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Công ty CP Đầu tư PT nhà và đô thị VINACONEX	345,814,273	16,366,447,135
Công ty CP Xây dựng số 1 Hà Nội		-

	9,494,108,606	
Công ty cổ phần xây dựng và sản xuất Nam á	-	633,496,500
Công ty Dimention International Corp paid	5,792,586	5,792,586
Công ty CP ĐT và XD Sông Đà	-	2,521,778,642
Công ty CP XD & KD Nhà Vĩnh Phúc	-	640,952,727
Công ty Công nghệ Mới và DL Newtatco	-	1,457,163,504
Công ty CPXDBT Hồ Chí Minh	-	1,931,818,182
Công ty CP Xây Dựng Số 3 Hà Nội	-	1,127,432,748
Công ty CP KD Nhà Thừa Thiên Huế	-	962,899,723
Công ty CPTĐ đầu tư Ba Đình	-	1,003,658,557
Công ty CP Xây dựng số 2	1,254,807,093	-
Công ty CP Đầu tư và Xây lắp Thành An 386	746,549,964	-
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Đô Thị Việt Hưng	263,825,066	-
Công ty CP Xây dựng số 1	7,298,196,193	-
Các công trình khác	909,770,825	-
Cộng	20,318,864,606	26,651,440,304

18. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2010	100,000,000,000	-	17,009,733,851	117,009,733,851
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	20,098,839,989	20,098,839,989
Chi trả cổ tức	-	-	(14,034,400,000)	(14,034,400,000)
Trích các quỹ	-	-	(2,884,710,768)	(2,884,710,768)
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(1,344,918,470)	(1,344,918,470)
Số dư tại ngày 31/12/2010	100,000,000,000	-	18,844,544,602	118,844,544,602
Tăng vốn trong kỳ này	25,000,000,000	4,050,000,000	-	29,050,000,000
Lãi trong kỳ này	-	-	14,460,300,143	14,460,300,143
Chia cổ tức	-	-	(14,000,000,000)	(14,000,000,000)
Trích lập các quỹ	-	-	(2,487,165,116)	(2,487,165,116)
Giảm khác	-	-	(1,785,436,089)	(1,785,436,089)
Số dư tại ngày 31/12/2011	125,000,000,000	4,050,000,000	15,032,243,540	144,082,243,540

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Công ty TNHH Thương mại Hùng Phát	31,812,000,000	28,920,000,000
Nguyễn Bá Hùng	40,067,500,000	36,425,000,000
Nguyễn Thị Tính	165,000,000	150,000,000
Việt Nam Growth Capital L.L.C	5,000,000,000	5,000,000,000
Công ty Tam Sơn	12,500,000,000	-
Các cổ đông khác	35,455,500,000	29,505,000,000
Cộng	125,000,000,000	100,000,000,000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	125,000,000,000	100,000,000,000
Vốn góp đầu kỳ	100,000,000,000	100,000,000,000
Vốn góp tăng trong kỳ	25,000,000,000	-
Vốn góp cuối kỳ	125,000,000,000	100,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	14,000,000,000	14,034,400,000

d) Cổ phiếu

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12,500,000	10,000,000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	12,500,000	10,000,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12,500,000</i>	<i>10,000,000</i>
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12,500,000	10,000,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12,500,000</i>	<i>10,000,000</i>

-Mệnh giá cổ phiếu cổ phiếu đang lưu hành: 10.000đồng

e) Các quỹ của công ty

	01/01/2011	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	31/12/2011
Quỹ đầu tư phát triển	2,441,189,359	798,493,494	-	3,239,682,853
Quỹ dự phòng tài chính	1,983,695,358	792,585,653	-	2,776,281,011
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	961,570,256	798,493,494	-	1,760,063,750

Tổng cộng	5,386,454,973	2,389,572,641	7,776,027,614
------------------	----------------------	----------------------	----------------------

Mục đích trích lập các quỹ tại Công ty

Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được trích lập từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp theo Nghị quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sử dụng để bổ sung vốn điều lệ của Công ty bằng việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ của Công ty.

Quỹ dự phòng tài chính của doanh nghiệp được dùng để bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh hoặc để bù đắp những khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị (hoặc đại diện chủ sở hữu). Quỹ dự phòng tài chính được trích lập trong năm từ phần lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp, phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

19. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu bán thành phẩm	473,009,367,680	197,766,843,605
Doanh thu bán hàng hóa	130,570,303,922	131,497,506,358
Doanh thu khác	-	1,812,272,363
Cộng	603,579,671,602	331,076,622,326

20. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chiết khấu thương mại	548,852,433	1,889,635,685
Giảm giá hàng bán	719,553,179	-
Hàng bán trả lại	2,448,711,454	823,151,982
Cộng	3,717,117,066	2,712,787,667

21. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu thuần bán thành phẩm	469,292,250,614	195,054,055,938
Doanh thu thuần bán hàng hóa	130,570,303,922	131,497,506,358
Doanh thu thuần khác	-	1,812,272,363
Cộng	599,862,554,536	328,363,834,659

22. Giá vốn hàng bán

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá vốn bán thành phẩm	387,374,925,385	168,593,481,616
Giá vốn bán hàng hóa	122,727,159,107	90,987,081,814
Giá vốn khác	-	-
Cộng	510,102,084,492	259,580,563,430

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi	116,688,573	51,703,818
Cộng	116,688,573	51,703,818

24. Chi phí tài chính

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí lãi vay	34,207,758,810	13,308,579,148
Chi phí tài chính khác	2,295,004,549	3,855,618,039
Cộng	36,502,763,359	17,164,197,187

25. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	14,460,300,143	20,098,839,989
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	11,836,310	10,000,000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,222	2,010

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT.
VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC
1. Thông tin về các bên liên quan
1.1 Giao dịch với các bên liên quan

	Quan hệ với Công ty	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Bán hàng			
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Phát	Cổ đông sáng lập	31,065,128,928	51,235,097,301
Công ty Tam Sơn	Cổ đông chiến lược	4,405,690,835	-
Mua hàng			

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Phát	Cổ đông sáng lập	49,777,844,151	20,987,775,545
Công ty Tam Sơn	Cổ đông chiến lược	132,959,211,793	

1.2 Số dư với các bên liên quan

Quan hệ với Công ty		31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Các khoản phải thu			
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Phát	Cổ đông sáng lập	13,704,368,918	1,846,169,418
Các khoản phải trả			
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Phát	Cổ đông sáng lập		
Công ty Tam Sơn	Cổ đông chiến lược	29,220,214,399	
Phải trả tiền vay			
Bà Trần Thị Lê Hải	Cổ đông sáng lập		
Ông Nguyễn Bá Hùng	Cổ đông sáng lập	5,099,500,000	

2. Những thông tin khác

Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn tài chính

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2012
CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Người lập

Nguyễn Thu Hiền

Kế toán trưởng

Mai Thu Hà

Tổng giám đốc

Trần Thị Lê Hải



BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Báo cáo tài chính Công ty mẹ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á trình bày báo cáo của Ban Tổng giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính 2011.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (gọi tắt là "Công ty"), tiền thân là Công ty TNHH Thương mại sản xuất nhựa Đông Á được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102002000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 16/02/2001. Theo Biên bản họp Hội đồng thành viên số 158/BB -HĐTV -ĐA ngày 15/08/2006 và Quyết định số 190/QĐ-HĐTV -ĐA ngày 19/09/2006, Công ty TNHH Thương mại sản xuất nhựa Đông Á được đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn nhựa Đông Á và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103014564 ngày 14 tháng 11 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Công ty đã có 03 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần ba ngày 18 tháng 04 năm 2011 thì vốn điều lệ của Công ty là: **125.000.0000.000 VND** (Bằng chữ: Một trăm hai mươi lăm tỷ đồng).

Theo giấy chứng nhận đăng ký giao dịch cổ phiếu số 41/QĐ –SGDHCM ngày 01/03/2010 của Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh, Công ty chính thức được đăng ký giao dịch cổ phiếu phổ thông tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 08/04/2010 với mã chứng khoán: DAG

Tên giao dịch quốc tế của Công ty: DONG A PLASTIC GROUP JOINT STOCK COMPANY

Tên viết tắt: Tập đoàn Đông Á

Ngành nghề kinh doanh của Công ty

- Kinh doanh nhà hàng, nhà nghỉ, khách sạn, dịch vụ du lịch sinh thái (Không bao gồm kinh doanh quán bar; phòng hát Karaoke, vũ trường).
- Đầu tư, xây dựng nhà ở;
- Gia công cơ khí;
- Kinh doanh phương tiện vận tải; Thiết bị máy móc phương tiện vận tải;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách;
- Kinh doanh bất động sản, nhà ở (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội ngoại thất;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Buôn bán máy móc, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp, giao thông;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Kinh doanh các vật tư, thiết bị ngành nhựa và ngành điện công nghiệp, điện dân dụng;
- Sản xuất các sản phẩm, các vật liệu phục vụ trong xây dựng và trang trí nội ngoại thất;

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Ngọc Hồi - Ngọc Hồi - Thanh Trì - Hà Nội

Tel: (04) 26891 888 Fax: (04) 26861 616

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính 2011 và đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Bá Hùng	Chủ tịch
Bà Trần Thị Lê Hải	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Tính	Thành viên
Ông Marume Mitsuo	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Quang	Thành viên

Ban Giám đốc

Bà Trần Thị Lê Hải	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Quang	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Luận	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Phú Thắng	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Việt Sơn	Phó Tổng giám đốc
Bà Đinh Thị Thu Hiền	Trưởng phòng Kế toán
Bà Mai Thu Hà	Kế toán trưởng

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12/2011 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính 2011.

Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất

quán;

- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Tổng giám đốc



Trần Thị Lê Hải

Hà Nội, ngày 26 tháng 2 năm 2012

Số 159- 12/BC-TC/III-VAE

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
về Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011
của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á

Kính gửi : **Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính 2011 được lập ngày 26/02/2012 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á (gọi tắt là "Công ty") từ trang 7 đến trang 27 kèm theo. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong Thuyết minh phần IV của Thuyết minh Báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính năm 2010 của công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên

Theo qui định của Chế độ kế toán Việt Nam và như đã trình bày từ trang 02 đến trang 04, Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất một cách trung thực và hợp lý. Trách nhiệm của Kiểm toán viên là đưa ra ý kiến độc lập về Báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán và báo cáo ý kiến của chúng tôi cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty.

Cơ sở đưa ra ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý là các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính 2011:

- (c) Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày; và
- (d) Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định khác về kế toán tại Việt Nam.

Chúng tôi xin lưu ý:

Như đã trình bày tại mục III của bản Thuyết minh Báo cáo tài chính trong năm 2011, Công ty áp dụng thông tư số 201/2009/TT-BTC trong việc xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Theo đó sẽ có ảnh hưởng đến Kết quả kinh doanh và các khoản mục liên quan trên báo cáo tài chính của Công ty.

Báo cáo kiểm toán được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đồng Á giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Trần Quốc Tuấn

Tổng giám đốc

Chứng chỉ kiểm toán viên số: 0148/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM



Ngô Bá Duy

Kiểm toán viên

Chứng chỉ kiểm toán viên
số: 1107/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Mẫu số B 01 - DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		296,444,759,075	142,958,691,581
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		2,838,626,345	1,161,620,183
1	Tiền	111	V.1.	2,838,626,345	1,161,620,183
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		255,008,974,258	115,654,569,379
1	Phải thu của khách hàng	131	VIII.2.1	9,096,980,640	54,445,655,069
2	Trả trước cho người bán	132	VIII.2.2	6,614,280,941	4,109,450,541
5	Các khoản phải thu khác	135	V.2.	240,100,712,677	57,902,463,769
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(803,000,000)	(803,000,000)
IV	Hàng tồn kho	140		36,649,910,119	24,534,557,198
1	Hàng tồn kho	141	V.3.	36,649,910,119	24,534,557,198
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		1,947,248,353	1,607,944,821
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152		285,760,610	-
3	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.4.	176,745,341	459,276,582
4	Tài sản ngắn hạn khác	158	VIII.2.3	1,484,742,402	1,148,668,239
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		129,522,063,070	148,709,034,599
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	16,332,446,615
4	Phải thu dài hạn khác	218		-	16,332,446,615
II	Tài sản cố định	220		26,318,845,133	45,566,284,983
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.5.	10,554,247,124	3,369,679,450
-	Nguyên giá	222		14,655,120,510	6,637,039,576
-	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4,100,873,386)	(3,267,360,126)
3	Tài sản cố định vô hình	227	V.6.	43,226,956	119,397,691
-	Nguyên giá	228		407,819,466	407,819,466
-	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(364,592,510)	(288,421,775)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.7.	15,721,371,053	42,077,207,842
III	Bất động sản đầu tư	240	V.8.	3,353,348,222	3,421,783,900
-	Nguyên giá	241		3,421,783,900	3,421,783,900
-	Giá trị hao mòn lũy kế	242		(68,435,678)	-
IV	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.9.	98,000,000,000	82,244,752,693
1	Đầu tư vào công ty con	251		98,000,000,000	82,244,752,693
V	Tài sản dài hạn khác	260		1,849,869,715	1,143,766,408
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10.	1,680,059,715	973,956,408
3.	Tài sản dài hạn khác	268		169,810,000	169,810,000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)		270		425,966,822,145	291,667,726,180

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
A	NỢ PHẢI TRẢ	300		297,548,959,420	192,166,034,072
I	Nợ ngắn hạn	310		253,150,189,958	160,413,995,719
1	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.11.	207,796,520,023	122,414,808,935
2	Phải trả người bán	312	VIII.2.4	23,507,173,247	16,676,565,790
3	Người mua trả tiền trước	313	VIII.2.5	2,395,867,043	9,577,943,700
4	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.12.	1,425,406,349	655,804,195
5	Phải trả người lao động	315		531,594,090	327,037,965
6	Chi phí phải trả	316	V.13.	-	63,785,477
9	Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.14.	17,493,629,206	10,698,049,657
1	Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		-	-
II	Nợ dài hạn	330		44,398,769,462	31,752,038,353
3	Phải trả dài hạn khác	333		30,000,000	30,000,000
4	Vay và nợ dài hạn	334	V.15.	34,528,846,583	15,355,591,218
7	Doanh thu chưa thực hiện	338	V.16.	9,839,922,879	16,366,447,135
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		128,417,862,725	99,501,692,108
I	Vốn chủ sở hữu	410	V.17.	128,417,862,725	99,501,692,108
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		125,000,000,000	100,000,000,000
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		4,050,000,000	-
6	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(657,145,765)	842,747,818
0	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		25,008,490	(1,341,055,710)
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		425,966,822,145	291,667,726,180

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2012
CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NHỰA ĐỒNG Á

Người lập

Kế toán trưởng

Nguyễn Thu Hiền

Mai Thu Hà

Tổng giám đốc



Trần Thị Lê Hải

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2011

Mẫu số B 02 - DN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu		Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.18.	129,530,616,611	77,598,379,830
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.19.	1,224,355,727	-
3	Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.20.	128,306,260,884	77,598,379,830
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.21.	120,005,045,881	65,537,070,911
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		8,301,215,003	12,061,308,919
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.22.	17,512,389,587	15,888,966,889
7	Chi phí tài chính	22	VI.23.	5,779,618,482	3,277,946,933
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>			<i>5,050,859,690</i>	<i>2,299,369,830</i>
8	Chi phí bán hàng	24	VIII.2.7	1,556,315,666	3,072,838,725
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.2.	2,604,740,710	7,361,497,484
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15,872,929,732	14,237,992,666
11	Thu nhập khác	31	VIII.2.8	9,991,334,665	22,706,867
12	Chi phí khác	32	VIII.2.9	9,907,556,854	57,453,640
13	Lợi nhuận khác	40		83,777,811	(34,746,773)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15,956,707,543	14,203,245,893
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	-
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		15,956,707,543	14,203,245,893

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2012
CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NHỰA ĐỒNG Á

Người lập

Kế toán trưởng

Nguyễn Thu Hiền

Mai Thu Hà

Tổng giám đốc

Trần Thị Lê Hải



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Năm 2011

Mẫu số B03 - DN/HN

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu		Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		192,233,884,056	78,411,102,790
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(242,983,487,258)	(95,952,581,013)
3	Tiền chi trả cho người lao động	03		(4.463.648.540)	(3,710,095,969)
4	Tiền chi trả lãi vay	04		(32,896,040,576)	(14,261,243,100)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		4,584,735,122	28,619,533,849
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(25,698,745,668)	(20,239,057,141)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(109,223,302,864)	(27,132,340,584)
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(17,136,221,112)	(1,365,320,961)
2	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			(179,285,146,518)
4	Tiền thu hồi, cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác.	24			178,202,303,820
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		36,411,015	22,585,768
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(17,099,810,097)	(2,425,577,567)
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		29,050,000,000	
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		434,247,237,843	232,332,262,481
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(330,443,138,720)	(191,984,777,567)
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4,853,980,000)	(9,789,180,000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		128,000,119,123	30,558,304,914
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		16,747,981,318	1,000,386,439
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1.	1,161,620,183	159,952,827
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			1,280,917
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1.	(2,838,626,345)	1,161,620,183

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2012
CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Người lập

Kế toán trưởng

Nguyễn Thu Hiền

Mai Thu Hà

Tổng giám đốc

Trần Thị Lê Hải



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đồng Á (gọi tắt là “Công ty”), tiền thân là Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Nhựa Đồng Á được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0102002000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 16 tháng 2 năm 2001. Theo Biên bản họp Hội đồng thành viên số 158/BB-HĐTV-ĐA ngày 15 tháng 8 năm 2006 và Quyết định số 190/QĐ -HĐTV-ĐA ngày 19 tháng 9 năm 2006, Công ty TNHH Thương mại Sản xuất Nhựa Đồng Á được đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn nhựa Đồng Á và hoạt động theo Giấy chứng nhận kinh doanh số 0103014564 ngày 14 tháng 11 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Công ty đã có 03 lần thay đổi chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần ba ngày 18/4/2011 thì vốn điều lệ của Công ty là 125.000.000.000 VND (*Bằng chữ: Một trăm hai lăm tỷ đồng*)

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp, thương mại

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Kinh doanh nhà hàng, nhà nghỉ, khách sạn, dịch vụ du lịch sinh thái (Không bao gồm kinh doanh quán bar; phòng hát Karaoke, vũ trường).
- Đầu tư, xây dựng nhà ở;
- Gia công cơ khí;
- Kinh doanh phương tiện vận tải; Thiết bị máy móc phương tiện vận tải;
- Dịch vụ vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách;
- Kinh doanh bất động sản, nhà ở (Chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Kinh doanh vật liệu xây dựng, trang thiết bị nội ngoại thất;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Buôn bán máy móc, thiết bị phục vụ ngành xây dựng, công nghiệp, giao thông;
- Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi;
- Kinh doanh các vật tư, thiết bị ngành nhựa và ngành điện công nghiệp, điện dân dụng;
- Sản xuất các sản phẩm, các vật liệu phục vụ trong xây dựng và trang trí nội ngoại thất;

Địa chỉ: Khu Công nghiệp Ngọc Hồi - Ngọc Hồi - Thanh Trì - Hà Nội
Tel: (04) 26891 888 Fax: (04) 26861 616

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam “VND”, hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003 và chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 – Chuẩn mực chung.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT - BTC của Bộ tài chính.

2. Áp dụng hướng dẫn kế toán

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp. Phương pháp hạch toán các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ cuối niên độ kế toán theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC có sự khác biệt so với chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ không được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Ban Giám đốc Công ty quyết định không áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 và tin tưởng việc áp dụng theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC sẽ phản ánh hợp lý hơn tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty. Nếu áp dụng chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10, lợi nhuận của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày 31/12/2011 sẽ giảm 657,145,765 VND và khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31/12/2011 sẽ không có số dư.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

4. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ trên máy tính, sử dụng phần mềm kế toán Effect.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo hợp nhất, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/6/2003.

Các khoản tiền có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế. Tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán, số dư các khoản tiền có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá hối đoái

bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm khóa sổ lập báo cáo tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: phương pháp bình quân gia quyền tháng.
- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.
- Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: tại thời điểm 31/12/2011, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

3.1 Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định hữu hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03- Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính và Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 về việc hướng dẫn chế độ quản lý sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của TSCĐ hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định

Thời gian khấu hao (năm)

Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn
Thiết bị, dụng cụ quản lý

6 -10

3 - 6

3.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm kế toán Effect và phần mềm quản lý.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định vô hình thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/TT - BTC ngày 20/10/2009 của Bộ Tài chính .

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định vô hình. Kế toán TSCĐ vô hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định

Thời gian khấu hao <năm>

Phần mềm máy vi tính
Hệ thống quản lý ISO 9001

4
4

4. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Công ty là quyền sử dụng đất lô đất có diện tích 960m² tại Khu công nghiệp Ngọc Hồi với nguyên giá là 3.421.783.900 VND do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Nguyên giá bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp. Công ty không thực hiện khấu hao Bất động sản đầu tư đang nắm giữ.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty là các khoản đầu tư vào Công ty con có thời hạn thu hồi trên một năm và các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí vay.

Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn) của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, khế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính. Riêng chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ điều kiện quy định trong Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 – Chi phí đi vay.

7. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phản ánh trên bảng cân đối kế toán là chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

8. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán hàng hóa, doanh thu xây lắp, và doanh thu từ tiền lãi tiền gửi.

Doanh thu bán hàng hóa được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ

thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hóa cho khách hàng, phát hành hóa đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – “Doanh thu” và thu nhập khác.

Doanh thu xây lắp được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu, quyết toán, đã phát hành hóa đơn GTGT, phù hợp với quy định tại chuẩn mực Việt Nam số 15 – Hợp đồng xây dựng”.

Doanh thu từ tiền lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 – “Doanh thu và thu nhập khác”.

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

10. Nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

10.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hóa đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hóa đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

10.2 Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng là các dự án xây dựng nhà máy tại Công ty TNHH MTV SMW, chi phí nhập máy profile và dây chuyền nhôm phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp.

10.3 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được công ty ghi nhận là vay dài hạn.

10.4 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất là 10% đối với hàng hóa, chi phí lãi vay phân bổ cho các công ty con.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN là 25% trên lợi nhuận chịu thuế

Việc xác định thuế TNDN của công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

10.5 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn hoạt động xây lắp được ghi nhận và tập hợp theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.

1. Tiền

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tiền mặt	513,828,606	851,765
Tiền gửi ngân hàng	2,324,797,739	1,160,768,418
Tiền VND	2,109,819,331	1,150,617,233
Ngân hàng Phát triển Việt Nam	1,002,567	1,082,139
Ngân hàng TMCP Á Châu	74,880,982	7,632,104
Ngân hàng TMCP Quân Đội	190,300,474	108,821,843
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	106,027,587	1,506,029
Ngân hàng TMCP Hàng Hải	13,218,248	13,993,240
Ngân hàng TMCP Vietcombank	1,716,823,068	1,008,755,328
Ngân hàng Techcombank Sở giao dịch	1,000,000	-
Ngân hàng Phương Nam	-	1,816,581
Ngân hàng May bank	6,566,405	7,009,969
Tiền USD	214,978,408	10,151,185
Ngân hàng TMCP Á Châu	117,886	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội	1,938,236	2,094,447

Ngân hàng TMCP Vietcombank
Ngân hàng May bank
Ngân hàng TMCP Tiên Phong

212,674,617
240,449

7,813,615
240,449

7,220

2,674

Cộng

2,838,626,345

1,161,620,183

2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác

**31/12/2011
VND**

**01/01/2011
VND**

Công Ty TNHH MTV Nhựa Đông Á

30,699,866,934

4,201,369,765

Công Ty TNHH Nhựa Đông á

123,608,251,672

32,304,466,690

Công ty TNHH SmartWindow Việt Nam

81,847,538,716

21,396,627,314

Thuế GTGT của tài sản Thuê tài chính

1,593,716,000

-

Các khoản phải thu khác

2,351,339,355

-

Cộng

240,100,712,677

57,902,463,769

3. Hàng tồn kho

**31/12/2011
VND**

**01/01/2011
VND**

Hàng mua đang đi đường

-

3,243,041,377

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

9,839,922,789

-

Hàng hoá

26,809,987,330

21,291,515,821

Cộng giá gốc hàng tồn kho

36,649,910,119

24,534,557,198

4. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

31/12/2011

01/01/2011

VND

VND

Thuế thu nhập doanh nghiệp

176,745,341

459,276,582

Cộng

176,745,341

459,276,582

5. Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2011	6,035,856,451	601,183,125	6,637,039,576
Mua trong năm	7,926,330,025	105,496,364	8,031,826,389
Thanh lý, nhượng bán		(13,745,455)	(13,745,455)

Số dư ngày 31/12/2011	13,962,186,476	692,934,034	14,655,120,510
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2011	2,864,865,833	402,494,293	3,267,360,126
Khấu hao trong năm	702,228,873	141,975,319	844,204,192
Thanh lý, nhượng bán	-	(10,690,932)	(10,690,932)
Số dư ngày 31/12/2011	3,567,094,706	533,778,680	4,100,873,386
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2011	3,170,990,618	198,688,832	3,369,679,450
Tại ngày 31/12/2011	10,395,091,770	159,155,354	10,554,247,124

- Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 67.406.520.000 VND

6. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Phản mềm kế toán	Hệ thống quản lý ISO 9001	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2011	387,972,800	19,846,666	407,819,466
Mua trong năm	-	-	-
Số dư ngày 31/12/2011	387,972,800	19,846,666	407,819,466
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2011	270,642,436	17,779,339	288,421,775
Khấu hao trong năm	74,103,408	2,067,327	76,170,735
Số dư ngày 31/12/2011	344,745,844	19,846,666	364,592,510
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2011	117,330,364	2,067,327	119,397,691
Tại ngày 31/12/2011	43,226,956	-	43,226,956

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Mua sắm TSCĐ	1,491,087,054	1,329,219,054
Xây dựng cơ bản dở dang	14,230,283,999	40,747,988,788
Khu công nghiệp Ngọc Hồi - Dự án Công ty TNHH MTV SMW	1,792,522,400	1,792,522,400
Khu công nghiệp Tân Tạo - Dự án Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á	-	38,955,466,388

Thuê tài chính dây chuyền nhôm HĐ75 28/11/2011 8,666,701,751 -

Chi phí nhập máy sx thanh nhựa profile 3,771,059,848 -

Cộng
15,721,371,053
42,077,207,842

8. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND

	01/01/2011	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2011
Nguyên giá	3,421,783,900	-	-	3,421,783,900
Quyền sử dụng đất	3,421,783,900	-	-	3,421,783,900
Giá trị hao mòn lũy kế	-	68,435,678	-	68,435,678
Quyền sử dụng đất	-	68,435,678	-	68,435,678
Giá trị còn lại	3,421,783,900	-	-	3,353,348,222
Quyền sử dụng đất	3,421,783,900	-	-	3,353,348,222

9. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

		31/12/2011	01/01/2011
	Tỷ lệ phần trăm vốn	VND	VND
Công ty TNHH Nhựa Đông Á	100%	58,000,000,000	58,000,000,000
Công ty TNHH Một thành viên S.M.W	100%	20,000,000,000	20,000,000,000
Công ty TNHH Một thành viên Nhựa Đông Á	100%	20,000,000,000	4,244,752,693
Cộng		98,000,000,000	82,244,752,693

10. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	1,680,059,715	973,956,408
Cộng	1,680,059,715	973,956,408

11. Vay và nợ ngắn hạn

31/12/2011

01/01/2011

VND

VND

Vay ngắn hạn	207,398,020,283	114,835,757,441
Ngân hàng TMCP Quân đội (*)	177,401,015,485	89,986,632,125
VND	165,441,702,326	66,937,226,930
USD	11,959,313,159	23,049,405,195
Ngân hàng Tiên phong	-	13,322,005,786
VND	-	5,428,552,230
USD	-	7,893,453,556
Ngân hàng Ngoại thương (**)	29,997,004,798	11,527,119,530
VND	29,997,004,798	8,048,553,850
USD	-	3,478,565,680
Nợ dài hạn đến hạn trả	398,499,740	7,579,051,494
Cộng	207,796,520,023	122,414,808,935

(*) Hợp đồng tín dụng số 109.11.004.369260.TD.DN ngày 28/03/2011 giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch Hà Nội. Hạn mức tín dụng là 180.000.000.000 VND. Lãi suất vay của VND được nhận theo từng khế ước. Thời hạn vay là 12 tháng.

(**) Hợp đồng tín dụng số HKI/HĐTD/11053 ngày 12/07/2011 giữa Công ty với Ngân hàng Ngoại thương - Chi nhánh Hoàn Kiếm. Hạn mức tín dụng là 30.000.000.000 đồng. Lãi suất vay của VND là 19,3%/năm và của USD là 7,5%/năm.

12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế GTGT đầu ra	1,238,816,001	297,449,231
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	25,088,449
Thuế xuất nhập khẩu	-	188,857,441
Thuế thu nhập cá nhân	186,590,348	144,409,074
Cộng	1,425,406,349	655,804,195

13. Chi phí phải trả

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Chi phí sử dụng cơ sở hạ tầng		

	-	63,785,477
Cộng	-	63,785,477
14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	3,760,000	-
Bảo hiểm xã hội	63,624,634	40,614,626
Bảo hiểm thất nghiệp	4,906,000	5,550,499
Các khoản phải trả, phải nộp khác	9,182,798,572	6,406,664,532
<i>Bà Trần Thị Lê Hải</i>	-	2,400,000,000
<i>Nguyễn Bá Hùng</i>	5,099,500,000	-
<i>Phải phải phải nộp khác</i>	4,083,298,572	4,006,664,532
Cô tức phải trả cho các cổ đông	8,238,540,000	4,245,220,000
<i>Công ty TNHH TMDV Hùng Phát</i>	8,099,000,000	4,049,500,000
<i>Các cổ đông khác</i>	139,540,000	195,720,000
Cộng	17,493,629,206	10,698,049,657
15. Vay và nợ dài hạn	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay dài hạn	21,613,066,241	13,403,873,592
Ngân hàng Á Châu (1)	-	4,780,000,000
Ngân hàng Quân đội (2)	21,613,066,241	8,623,873,592
VND	3,427,757,040	-
USD(2)	18,185,309,201	8,623,873,592
Nợ dài hạn (3)	12,915,780,342	1,951,717,626
<i>Công ty CP cho thuê tài chính NH Ngoại thương</i>	12,915,780,342	1,951,717,626
Cộng	34,528,846,583	15,355,591,218

(1) Là khoản vay theo hợp đồng tín dụng số SHN. 02141207/02TDDN giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Á Châu - Sở Giao dịch Hà Nội ngày 31/12/2007 với thời hạn vay 60 tháng (trong đó thời gian ân hạn là 12 tháng, thời gian trả nợ gốc là 48 tháng, thời gian trả lãi vay là 60 tháng) kể từ ngày Bên vay nhận tiền vay lần đầu, lãi suất vay 0,99%/tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng: Quyền sử dụng đất thuê (trả tiền một lần) và toàn bộ tài sản gắn liền với đất (hình thành trong tương lai) tại lô số 36, đường Tân Tạo, Khu Công nghiệp Tân Tạo, Thành Phố Hồ Chí Minh với diện tích là 6.573,43 m² với thời hạn thuê là 43 năm (tính đến tháng 08/2050) thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á trị giá 23.307.000.000 VND). Máy móc thiết bị hình thành trong tương lai là hệ thống các máy cắt, máy hàn, máy cưa, dây chuyền sản xuất kính hộp và các máy móc khác thuộc sở hữu của Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á trị giá 2.000.000.000 VND.

(2) Là khoản vay theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng tín dụng số 113.09.004.369260.TD giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch Hà Nội ngày 24/11/2009. Ngày trả nợ cuối cùng là ngày 13/01/2013 với lãi suất thả nổi của khoản vay tại thời điểm giải ngân là 6,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng:

- Hợp đồng số 203.10.004.369260.TD giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch Hà Nội ngày 20/08/2010. Số tiền vay theo hợp đồng là 169.330 USD, gốc thanh toán định kỳ 3 tháng một lần kể từ ngày 25 tháng 12 năm 2010. Ngày trả nợ cuối cùng là 36 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, với lãi suất thả nổi của khoản vay tại thời điểm giải ngân là 6,5%/năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho chậm luân chuyển trị giá 70.000.000.000 VND và hai (02) dây chuyền máy đùn thanh Profile theo hợp đồng ngoại thương số DA-DONGXU 10.01 ngày 20 tháng 05 năm 2010. Theo Hợp đồng tín dụng số 284.10.004.369260.TD giữa Công ty với Ngân hàng TMCP Quân đội - Sở giao dịch Hà Nội ngày 22/10/2010. Ngày trả nợ cuối cùng là 60 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên (ngày 28/10/2015) với lãi suất thả nổi tại thời điểm giải ngân 6,8%/năm. Khoản vay này được thế chấp bằng hệ thống nhà xưởng, máy móc, hàng tồn kho luân chuyển và máy móc thiết bị với tổng trị giá là 132.375.000.000 VND

(3) Hợp đồng Thuê tài chính giữa Công ty với Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ngày 28/05/2010, tổng giá trị 157.872 USD, thời hạn thuê là 50 tháng, lãi suất cho thuê bằng lãi suất cơ bản do Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam công bố cộng biên độ 0,25%/tháng. Tài sản thuê tài chính là Dây chuyền sản xuất cửa hợp kim nhôm vách dựng đã được Công ty chuyển giao cho Công ty con là Công ty TNHH Smartwidow Việt Nam.

16. Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Công ty CP Đầu tư PT nhà và đô thị VINACONEX	345,814,273	16,366,447,135
Công ty CP Xây dựng số 1 Hà Nội	9,494,108,606	-
Cộng	9,839,922,879	16,366,447,135

17. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2010	100,000,000,000	-	(1,107,953,736)	98,892,046,264
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	14,203,245,893	14,203,245,893
Chia cổ tức	-	-	(14,034,400,000)	(14,034,400,000)
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(401,947,867)	(401,947,867)
Số dư tại ngày 31/12/2010	100,000,000,000	-	(1,341,055,710)	98,658,944,290
Tăng vốn trong năm nay	25,000,000,000	4,050,000,000	-	29,050,000,000
Lãi trong năm nay	-	-	15,956,707,543	15,956,707,543
Chia cổ tức	-	-	(14,000,000,000)	(14,000,000,000)
Giảm khác	-	-	(590,643,343)	(590,643,343)
Số dư tại ngày 31/12/2011	125,000,000,000	4,050,000,000	25,008,490	129,075,008,490

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Công ty TNHH Thương mại Hùng Phát	31,812,000,000	28,920,000,000
Nguyễn Bá Hùng	40,067,500,000	36,425,000,000
Nguyễn Thị Tính	165,000,000	150,000,000
Việt Nam Growth Capital L.L.C	5,000,000,000	5,000,000,000
Công ty Tam Sơn	12,500,000,000	-
Các cổ đông khác	35,455,500,000	29,505,000,000
Cộng	125,000,000,000	100,000,000,000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		100,000,000,000

	125,000,000,000	
- Vốn góp đầu kỳ	100,000,000,000	100,000,000,000
- Vốn góp tăng trong kỳ	25,000,000,000	-
- Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
- Vốn góp cuối kỳ	125,000,000,000	100,000,000,000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	14,000,000,000	14,034,400,000

d) Cổ phiếu	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12,500,000	10,000,000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12,500,000	10,000,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12,500,000</i>	<i>10,000,000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12,500,000	10,000,000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12,500,000</i>	<i>10,000,000</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/1CP		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

18. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu bán hàng hóa	90,850,851,997	77,598,379,830
Doanh thu hoạt động lắp đặt	38,679,764,614	-
Cộng	129,530,616,611	77,598,379,830

19. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Hàng bán bị trả lại	1,224,355,727	-

Cộng	1,224,355,727	-
20. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu thuần trao đổi hàng hoá	89,626,496,270	77,598,379,830
Doanh thu thuần hoạt động lắp đặt	38,679,764,614	-
Cộng	128,306,260,884	77,598,379,830
21. Giá vốn hàng bán	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá vốn của hàng hóa	81,099,545,850	65,537,070,911
Giá vốn hoạt động lắp đặt	38,905,500,031	-
Cộng	120,005,045,881	65,537,070,911
22. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	42,236,567	12,611,061
Cổ tức lợi nhuận được chia	17,409,202,653	15,876,355,828
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	60,950,367	-
Cộng	17,512,389,587	15,888,966,889
23. Chi phí tài chính	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền vay	5,050,859,690	2,299,369,830
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	677,123,551	450,545,707
Chi phí tài chính khác	51,635,241	528,031,396
Cộng	5,779,618,482	3,277,946,933
24. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND

Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	138,400,782,483	93,510,053,586
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	139,853,277,593	79,306,807,693
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	(1,452,495,110)	14,203,245,893
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-

25. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu không trình bày trên báo cáo tài chính này mà được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn nhựa Đông Á theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan

1.1 Giao dịch với các bên liên quan

	Quan hệ với Công ty	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Bán hàng			
Công ty TNHH TM Dịch vụ Hùng Phát	Cổ đông sáng lập	19,942,182,625	9,585,162,568
Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam	Công ty con	1,153,684,097	1,112,340,221
Công ty TNHH Nhựa Đông Á	Công ty con	14,924,899,484	5,019,858,020
Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á	Công ty con	968,000	-
Mua hàng			
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Hùng Phát	Cổ đông sáng lập	3,780,415,073	6,919,581,715
Công ty Tam Sơn	Cổ đông chiến lược	28,585,686,134	-
Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam	Công ty con	48,519,414,493	-
Công ty TNHH Nhựa Đông Á	Công ty con	1,836,715,590	-

1.2 Số dư với các bên liên quan

	Quan hệ với Công ty	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Các khoản phải thu			

Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam	Công ty con	5,325,257,854	9,117,231,435
Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á	Công ty con	154,350,758	153,382,758
Công ty TNHH Nhựa Đông Á	Công ty con	709,114,900	747,523,468

Các khoản phải trả

Công ty Tam Sơn	Cổ đông chiến lược	729,961,541	11,040,312,647
Công ty TNHH Smartwindow Việt Nam	Công ty con		2,649,842,349
Công ty TNHH Nhựa Đông Á	Công ty con	1,305,272,249	747,523,468
Công ty TNHH TM Dịch vụ Hùng Phát	Cổ đông sáng lập	77,643,500	-

2. Những thông tin khác

2.1 Phải thu của khách hàng

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Công ty TNHH V&H Việt Nam	-	24,830,289,348
Công ty CP thiết bị tự động hóa AMC	620,895,530	3,460,014,864
Công ty CP Đầu tư PT nhà và đô thị VINACONEX (N05)	6,154,316,593	18,003,091,848
VINAYAK EXPORTS	-	1,416,671,147
Các đối tượng khác	2,321,768,517	6,735,587,862
Cộng	9,096,980,640	54,445,655,069

2.2 Trả trước cho người bán

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Công ty Cổ Phần Kiến Trúc Và Xây Dựng Hà Nội	-	150,865,000
Công ty TM và DV Trúc Xanh(Khánh thành Tân tạo	-	88,745,000
Guangxi Pingxiang Yingtai	803,000,000	803,000,000
Công ty TNHH Một thành viên S.M.W	5,395,265,796	2,649,842,349
Các đối tượng khác	416,015,145	416,998,192
Cộng	6,614,280,941	4,109,450,541

2.3 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
--	-------------------	-------------------

Tạm ứng	84,314,054	111,851,101
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược	1,400,428,348	1,036,817,138
Cộng	1,484,742,402	1,148,668,239

2.4 Phải trả người bán

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Công ty TNHH ĐT & XD An Lập Thành-28/HĐKT	300,000,000	300,000,000
Công ty TNHH tư vấn phần mềm quản trị doanh nghiệp	15,814,931,710	11,040,312,647
GAOMING Foreign Trade Enterprise	5,450,054,429	2,389,587,533
Công ty TNHH Nhựa Đông Á	1,305,272,249	-
Các đối tượng khác	636,914,859	2,946,665,610
Cộng	23,507,173,247	16,676,565,790

2.5 Người mua trả tiền trước

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội (213-N28)	1,141,497,506	9,577,943,700
Công ty Cổ phần Xây dựng số 2	1,254,369,537	-
Cộng	2,395,867,043	9,577,943,700

2.6 Phải trả dài hạn khác

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Nhận cầm cố, ký cược ký quỹ dài hạn	30,000,000	30,000,000
Cộng	30,000,000	30,000,000

2.7 Chi phí bán hàng

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nhân viên	1,530,744,195	1,407,548,973
Chi phí vật liệu, bao bì	2,749,998	5,336,362
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	6,179,165	25,871,682
Chi phí bằng tiền khác	16,642,308	1,634,081,708
Cộng	1,556,315,666	3,072,838,725

2.8 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nhân viên quản lý	-	2,929,137,573
Chi phí vật liệu quản lý	132,144,541	84,759,422
Chi phí đồ dùng văn phòng	161,520,677	147,025,013
Chi phí khấu hao TSCĐ	1,005,504,333	848,052,013
Thuế, phí và lệ phí	40,535,499	125,827,928
Chi phí dự phòng	-	803,000,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	976,597,851
Chi phí khác bằng tiền	1,265,035,660	1,447,096,874
Cộng	2,604,740,710	7,361,497,484

2.9 Thu nhập khác

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Thu từ thanh lý máy móc thiết bị	9,847,266,773	-
Thu nhập khác	144,067,892	22,706,867
Cộng	9,991,334,665	22,706,867

2.10 Chi phí khác

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá trị còn lại và chi phí thanh lý máy móc thiết bị	9,815,169,094	-
Chi phí khác	92,387,760	57,453,640
Cộng	9,907,556,854	57,453,640

2.11 Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính 2010 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Nhựa Đông Á đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn tài chính.

Hà Nội, ngày 26 tháng 02 năm 2012
CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Người lập

Kế toán trưởng

Nguyễn Thu Hiền

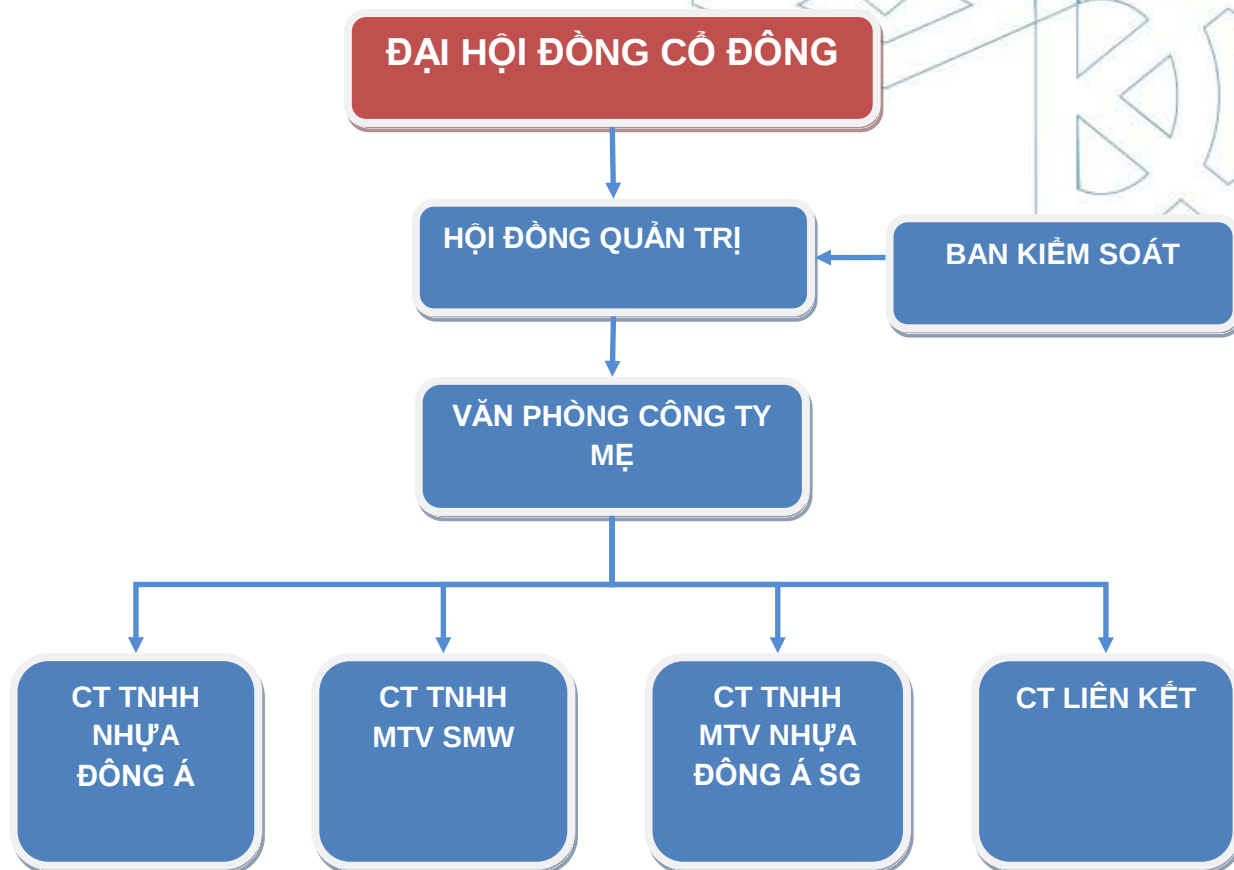
Mai Thu Hà

Tổng giám đốc

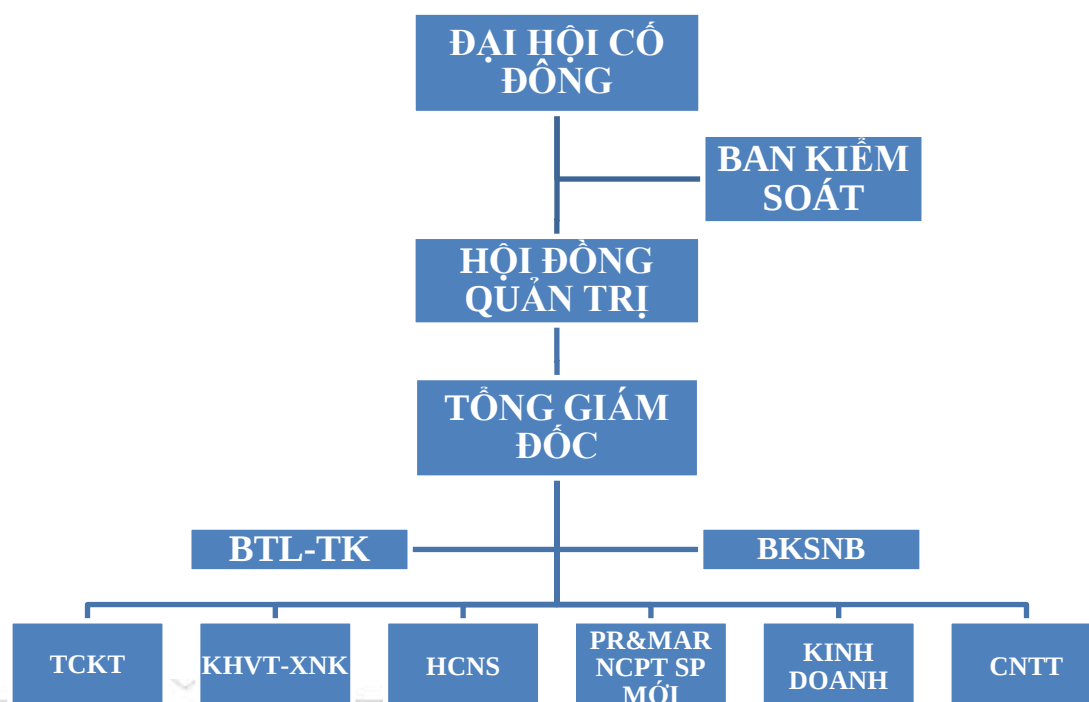
Trần Thị Lê Hải

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

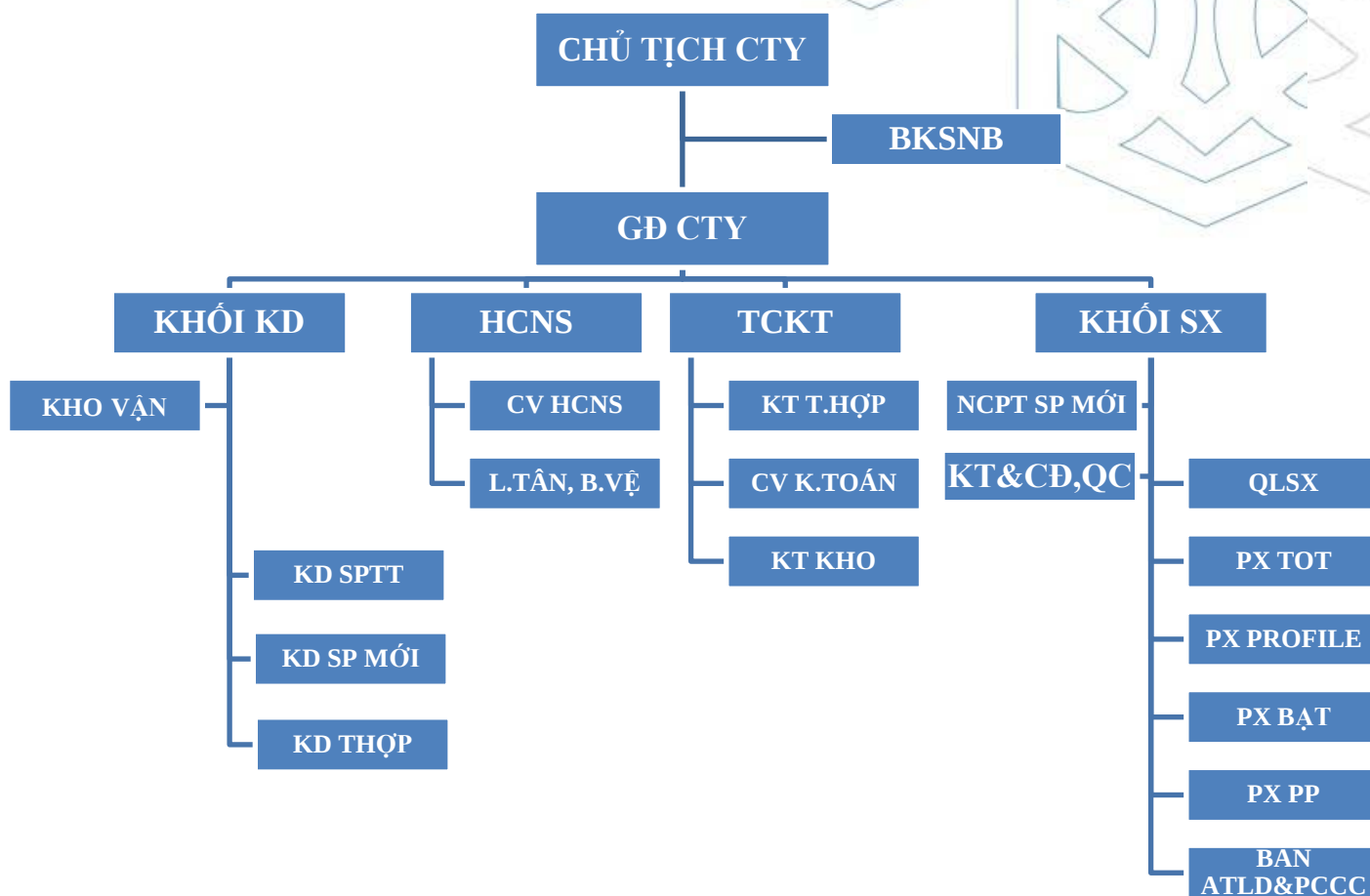
1. Cơ cấu tổ chức Công ty:



TỔ CHỨC CÔNG TY MẸ



TỔ CHỨC CÔNG TY THÀNH VIÊN



2. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành

Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm có 01 Tổng Giám đốc, 01 Phó Tổng Giám đốc thường trực và 03 Phó Tổng Giám đốc kiêm giám đốc điều hành các công ty con.

Tổng Giám đốc là người được ủy quyền của Chủ tịch công ty đại diện trước pháp luật để điều hành Công ty.

Ban Tổng Giám đốc của DAG trong năm 2011 bao gồm :

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bà Trần Thị Lê Hải	Tổng Giám đốc điều hành
2	Ông Nguyễn Văn Quang	PTGD thường trực, TB KSNB, người ủy quyền công bố thông tin của DAG
3	Ông Nguyễn Việt Sơn	PTGD Công ty CPTĐ Nhựa Đông Á kiêm Giám đốc nhà máy Công ty TNHH SMW
4	Ông Nguyễn Ngọc Luận	PTGD Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á kiêm Giám đốc Công ty TNHH MTV Nhựa Đông Á
5	Ông Nguyễn Phú Thắng	PTGD Công ty CP Tập đoàn Nhựa Đông Á kiêm Giám đốc nhà máy – Công ty TNHH Nhựa Đông Á

Bà TRẦN THỊ LÊ HẢI

Tổng giám đốc điều hành

Bà Trần Thị Lê Hải là cử nhân kinh tế trường đại học Ngoại thương Hà Nội. Bà từng tham gia nhiều khóa học của Phòng thương mại công nghiệp Việt Nam phối hợp với các tổ chức đào tạo quốc tế thuộc các chương trình do Chính Phủ Nhật Bản triển khai ...;

Bà Trần Thị Lê Hải trên 10 năm kinh nghiệm giữ cương vị Giám đốc, Tổng Giám đốc ở các Công ty sản xuất và là người đồng sáng lập cũng như triển khai thị trường của thương hiệu Nhựa Đông Á.

Bằng khả năng quyết đoán trong các năm qua, Bà Trần Thị Lê Hải đã góp phần không nhỏ trong điều hành hoạt động của Tập đoàn Nhựa Đông Á theo đúng hướng và mục tiêu của Hội đồng quản trị đề ra.

Ông NGUYỄN VĂN QUANG

Phó Tổng Giám đốc thường trực

Ông Nguyễn Văn Quang là cử nhân kinh tế, Học viện Tài chính.

Ông Nguyễn Văn Quang có gần 9 năm gắn bó với DAG, đảm nhiệm nhiều chức vụ quan trọng, đặc biệt công tác chuyên môn về tài chính, tái cơ cấu, kiểm toán, kế toán. Cùng với sự phát triển của DAG, Ông Nguyễn Văn Quang đã cùng với Ban điều hành tổ chức, tái cấu trúc mô hình Công ty cổ phần, hệ thống quy chế, văn bản và hoạt động kiểm soát nội bộ trong DAG.

Hiện Ông Nguyễn Văn Quang là thành viên thường trực Hội đồng quản trị và là người ủy quyền công bố thông tin tại DAG.

Ông NGUYỄN PHÚ THẮNG

Phó Tổng Giám đốc – Kiêm GD nhà máy Công ty Nhựa Đông Á – Hà Nội (NĐA)

Ông Nguyễn Phú Thắng là cử nhân chế tạo máy trường Đại học Bách Khoa;

Ông Nguyễn Phú Thắng có trên 10 năm tham gia công tác điều hành sản xuất từ ngày đầu tiên phát triển thương hiệu Nhựa Đông Á. Với nhiều sản phẩm mũi nhọn được giao cho NĐA, bằng kinh

nghiệm và bề dày hoạt động, Ông Nguyễn Phú Thắng sẽ trực tiếp điều hành và quản lý vùng thị trường Hà Nội và các vùng phụ cận với hệ thống sản phẩm đa dạng của Tập đoàn Nhựa Đông Á.

Ông NGUYỄN NGỌC LUẬN

Phó Tổng Giám đốc – Kiểm Giám đốc điều hành Công ty Nhựa Đông Á – Tp HCM (DAS)

Ông Nguyễn Ngọc Luận là cử nhân Quản trị Kinh doanh Đại học Kinh tế TP Hồ Chí Minh. Ông Nguyễn Ngọc Luận có trên 7 năm trong hoạt động quản lý điều hành doanh nghiệp, có nhiều kinh nghiệm trong hoạt động phát triển, giám sát mạng lưới bán hàng, mạng lưới phân phối, hoạch định chiến lược kinh doanh. Bằng kinh nghiệm và bề dày hoạt động, Ông Nguyễn Ngọc Luận sẽ trực tiếp điều hành và quản lý vùng thị trường TpHCM và các vùng phụ cận với hệ thống sản phẩm đa dạng của DAG.

Ông NGUYỄN VIỆT SƠN

Phó Tổng Giám đốc – Kiểm Giám đốc nhà máy Công ty Smartwindow Việt Nam – (SMW)

Ông Nguyễn Việt Sơn là cử nhân Kỹ sư cơ khí, tốt nghiệp tại Nhật Bản.

Ông Nguyễn Việt Sơn có trên 6 năm kinh nghiệm trong công tác quản lý nhà máy tại các Công ty sản xuất hàng đầu tại Nhật Bản. Từ đầu năm 2010, Ông Nguyễn Việt Sơn đảm nhiệm chức vụ Giám đốc nhà máy sản xuất Cửa Smartwindow, trực tiếp quản lý và kiểm soát hệ thống chất lượng sản phẩm, đặc biệt quan trọng khi SMW triển khai nhiều dự án lớn.

3. Số lượng CB-CNV và chính sách đối với người lao động

3.1. Số lượng Cán bộ - Công nhân viên

Tính đến ngày 31/12/2011, DAG có tổng cộng 550CB-CNV. Trong đó tỷ lệ CB-CNV tốt nghiệp Đại học, trên Đại học đạt 30% và tỷ lệ lao động có trình độ tay nghề bậc 4/7 đạt 60% tổng số lao động phổ thông tại các KCN. Dự kiến, năm 2012, DAG tăng trưởng thêm 10% số lượng CBNV bổ sung cho tất cả các lĩnh vực của toàn tập đoàn,

3.2. Chính sách, chế độ đối với người lao động

Một trong những trọng tâm phát triển của DAG là thu hút, đào tạo và tạo sự gắn kết lâu dài của CB-CNV với Công ty. Trên cơ sở đó, DAG thực hiện những chính sách đào tạo và các chế độ khen thưởng, phụ cấp ... dựa trên mô tả công việc, chú trọng áp dụng các kiến thức, kinh nghiệm, thực hành thực tế phối hợp với hệ thống phân loại, hệ thống đánh giá CB-CNV một cách đồng bộ và bài bản.

Tổ chức thăm dò tín nhiệm đội ngũ kế thừa các cấp để tạo nguồn nhân sự kế thừa một cách kịp thời.

3.2.1. Chính sách đào tạo

Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực là một trong các công tác nhân sự hàng đầu của DAG. Chính sách đào tạo của DAG có mục tiêu xây dựng và phát triển đội ngũ CBCNV chuyên nghiệp, thành thạo về nghiệp vụ trong sản xuất – kinh doanh, giữ gìn đạo đức trong kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp.

Mỗi cá nhân CB-CNV làm việc tại DAG đều có cơ hội tiếp cận với các khóa đào tạo về tay nghề và bồi dưỡng kiến thức theo quy định của Công ty. Ngoài ra, trong từng thời kỳ, DAG đều cổ vũ và đài thọ chi phí cho các khóa đào tạo ngắn/dài hạn hướng tới nâng cao năng lực và đào tạo chuẩn hóa đội ngũ đáp ứng thời kỳ đổi mới và phát triển.

3.2.2. Công tác thi đua, sáng kiến cải tiến

- + Công tác thi đua hoàn thành nhiệm vụ được tổ chức thành 3 đợt trong năm. Thi đua giữa cá nhân với cá nhân, giữa các tổ đội sản xuất, giữa các bộ phận với nhau nhằm hoàn thành trước kế hoạch được giao
- + Thường xuyên tổ chức những thi đua đưa ra các sáng kiến cải tiến tiết kiệm chi phí, tiết kiệm sức lao động dù là nhỏ nhất, và có những động viên khích lệ kịp thời.
- + Trong năm, Tập đoàn còn tổ chức cuộc thi tìm hiểu về thương hiệu DAG, về các thương hiệu sản phẩm nhằm gắn kết người lao động với công ty.

3.2.3. Công tác đảm bảo an toàn lao động trong sản xuất

Trong năm DAG đã đưa chương trình bảo đảm an toàn sản xuất áp dụng đồng bộ cho 3 nhà máy

- + Tổ chức huấn luyện cho hơn 350 người về công tác an toàn vệ sinh lao động trong sản xuất
- + Huấn luyện và đào tạo về công tác sơ cứu, cấp cứu
- + Huấn luyện công tác phòng cháy chữa cháy.
- + Cung cấp đầy đủ các trang thiết bị phòng cháy chữa cháy, các trang thiết bị bảo hộ cho người lao động tại các nhà máy.

3.2.4. Chính sách lương, thưởng

Duy trì ổn định mức thu nhập và công việc làm đối với hơn 550 CBCNV trong năm qua là mục tiêu quan trọng của DAG. Ngoài ra, DAG đảm bảo chế độ khen thưởng cho CBCNV theo quy định của Luật lao động và tổ chức nhiều phong trào phát động thi đua trong toàn hệ thống. Hàng năm, DAG đều đặn tổ chức sơ kết, tổng kết thi đua nhằm khen thưởng kịp thời CBCNV có thành tích xuất sắc

3.2.5. Phúc lợi và văn hóa doanh nghiệp

Ngoài việc thực hiện chính sách phúc lợi của Nhà nước, DAG còn có chương trình thưởng định kỳ vào các dịp lễ (Tết nguyên đán, 30/4, 08/03, 20/10 ...), bảo hiểm thân thể 100% cho đội ngũ lắp đặt, tổ chức bếp ăn tập thể tại các nhà máy sản xuất và bảo hộ lao động cho hệ thống công nhân sản xuất.

Tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho toàn thể công nhân viên, đặc biệt là cán bộ nữ.

Song song đó, DAG định kỳ đều tổ chức và duy trì các hoạt động mang tính chất văn hóa doanh nghiệp như: tổ chức giao lưu văn nghệ, tham quan, nghỉ mát, tổ chức các hoạt động hè cho con em CBCNV ... nhằm gắn kết các cá nhân trong hệ thống và đáp ứng đời sống tinh thần cho CBCNV.

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ BAN KIỂM SOÁT

1. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát

Thành phần của HĐQT:

HĐQT Công ty gồm 5 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, bao gồm: Chủ tịch HĐQT và các Ủy viên HĐQT. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý và chỉ đạo thực hiện của HĐQT. HĐQT có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và những cán bộ quản lý khác. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT do luật pháp và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ quy định. Hiện tại, HĐQT Công ty có nhiệm kỳ là 05 năm với danh sách cụ thể như sau:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Bá Hùng	Chủ tịch HĐQT
2	Bà Trần Thị Lê Hải	Phó chủ tịch HĐQT
3	Bà Nguyễn Thị Tính	Thành viên HĐQT
4	Ông Marume	Thành viên HĐQT
5	Ông Nguyễn Văn Quang	Thành viên HĐQT

Thành phần của Ban kiểm soát:

Ban Kiểm soát của Công ty hiện nay bao gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Trịnh Văn Toàn	Trưởng Ban Kiểm Soát
2	Ông Phan Việt Hùng	Thành viên Ban Kiểm Soát
3	Bà Phạm Thị Thúy Hà	Thành viên Ban Kiểm Soát

2. Hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2011

Căn cứ điều lệ Công ty và nhu cầu thực tế, hàng Quý, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức họp nhằm thông qua kết quả và phương hướng triển khai cho giai đoạn tiếp theo. Trong năm 2011, bằng các hoạt động tích cực, Hội đồng quản trị đã ban hành 08 nghị quyết và nhiều quyết định hợp lý nhằm tăng cường hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác đầu tư xây dựng cơ bản, giám sát hoạt động đối với Ban điều hành và các quyết định liên quan đến phương án phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ, thông qua định hướng chiến lược kinh doanh năm 2011, quyết định giải thể công ty con khi điều kiện về ưu đãi thuế không phù hợp, thống nhất việc bổ nhiệm và miễn nhiệm các chức danh quản lý chủ chốt của tập đoàn, thông qua thời gian, địa điểm tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011, và thống nhất tất cả nội dung tài liệu đại hội.

Hoạt động của Ban Kiểm soát Công ty năm 2011

Ban Kiểm soát là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ bầu ra. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Hiện tại, Ban Kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên do ĐHĐCĐ bầu ra và bãi miễn. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là 05 năm.

Ban Kiểm soát Công ty thực hiện nhiệm vụ chính là giám sát hoạt động quản trị và điều hành của các thành viên HĐQT và Ban điều hành Công ty. Trong năm qua, thông qua sự hướng dẫn và chỉ đạo của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát nội bộ Công ty đã hoạt động có hiệu quả với việc tăng cường công tác tư vấn hoàn thiện quy trình/quy chế quản trị, kiểm toán nội bộ, tính tuân thủ nhằm phòng ngừa rủi ro, gian lận trong hoạt động.

3. Thù lao và các khoản thu nhập khác của thành viên HĐQT và BKS Công ty

Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Tổng thù lao năm 2011 (VNĐ)
1	Ông Nguyễn Bá Hùng	475,200,000
2	Bà Trần Thị Lê Hải	39,600,000

3 Bà Nguyễn Thị Tính
4 Ông Marume
5 Ông Nguyễn Văn Quang

11,000,000
11,000,000
11,000,000

Ban kiểm soát:

STT	Họ và tên	Tổng thù lao năm 2011 (VNĐ)
1	Ông Trịnh Văn Toàn	14,080,000
2	Ông Phan Việt Hùng	10,560,000
3	Bà Phạm Thị Thúy Hà	10,560,000

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG (31/12/2011)

TT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ (%)
1	Cổ đông Nhà nước	0	0	0
2	Hội đồng quản trị, BKS, BĐH, KTT	3.662.500	36.625.000.000	36,625
	Hội đồng quản trị	4.091.750	40.917.500.000	32,73
-	Nguyễn Bá Hùng – Chủ tịch	4.006.750	40.067.500.000	32,054
-	Trần Thị Lê Hải – PCT	0	0	0
-	Nguyễn Thị Tính – TV	16.500	165.000.000	0,13
-	Nguyễn Văn Quang - TV	68.500	685.000.000	0,55
-	Marume Mitsuo – TV	0	0	0
	Ban kiểm soát	500	5.000.000	0.00004
-	Trịnh Văn Toàn – TB	500	5.000.000	0.00004
-	Phan Việt Hùng – TV	0	0	0
-	Phạm Thị Thúy Hà – TV	0	0	0
	Ban điều hành	132.000	1.320.000.000	1,06
-	Trần Thị Lê Hải – TGĐ	80.000	800.000.000	0,64
-	Nguyễn Văn Quang – PTGD		Trên phần HĐQT	
-	Nguyễn Phú Thắng – PTGD	52.000	520.000.000	0,42
-	Nguyễn Ngọc Luận - PTGD	0	0	0
-	Nguyễn Việt Sơn – PTGD	0	0	0
3	Cán bộ công nhân viên 55	1.526.676	15.266.760	12,21
4	Cổ đông bên ngoài	6.749.074	67.490.740.000	53,99
4.1	Cổ đông lớn	4.931.200	49.312.000.000	39,45
	Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hùng Phát	3.181.200	31.812.000.000	25,45
	Japan Vietnam Growth Fund LP	500.000	5.000.000.000	4,0
	Công ty Tam Sơn	1.250.000	12.500.000.000	10,0
4.2	Cổ đông khác	1.817.874	18.178.740.000	14,54
	Tổng	12.500.000	125.000.000.000	100,00

Thay mặt và đại diện cho
CTY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á

Nguyễn Bá Hùng

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, Ngày 07 tháng 04 năm 2012



DAG

TẬP ĐOÀN NHỰA ĐÔNG Á